

BÁO CÁO

**Tổng kết công tác xây dựng Đảng
và thi hành Điều lệ Đảng nhiệm kỳ Đại hội XII**

**Phản mở đầu
ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

- Lâm Đồng là tỉnh miền núi Nam Tây Nguyên, diện tích tự nhiên 9.774 km²; có 12 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm 10 huyện, 2 thành phố), 147 đơn vị hành chính cấp xã (116 xã, 18 phường, 13 thị trấn), 1.541 thôn, tổ dân phố. Dân số gần 1,3 triệu người với 43 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số khoảng 24% (đồng bào dân tộc thiểu số bản địa gốc Tây Nguyên chiếm khoảng trên 17%).

- Tính đến thời điểm quý II năm 2019, toàn tỉnh có 18 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, gồm: 12 đảng bộ huyện, thành phố; 04 đảng bộ cấp trên cơ sở và 02 đảng bộ cơ sở; với 749 tổ chức cơ sở đảng¹ (277 đảng bộ cơ sở, 472 chi bộ cơ sở), 3.251 chi bộ trực thuộc, 02 đảng bộ bộ phận; 45.177 đảng viên², chiếm tỷ lệ khoảng 3,47% dân số toàn tỉnh.

- Toàn tỉnh hiện có 4.190 đồng chí ủy viên ban chấp hành Đảng bộ các cấp, trong đó: cấp tỉnh 51 đồng chí (khuyết 03 đồng chí); cấp huyện 612 đồng chí; cấp cơ sở 3.526 đồng chí³. 35.778 cán bộ, công chức, viên chức (chưa tính lực lượng vũ trang), trong đó: khối Đảng, đoàn thể 1.382 người; khối chính quyền 34.384 người.

II. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TÁC ĐỘNG ĐẾN CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương, cùng với sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, kinh tế Lâm Đồng tiếp tục phát triển, quy mô và chất lượng nền kinh tế được nâng lên, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; hầu hết các chỉ tiêu kinh tế đạt và vượt kế hoạch, GRDP tăng bình quân trên 8%/năm, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn luôn đạt và vượt dự

¹ Khối xã, phường, thị trấn 147 tổ chức cơ sở đảng; khối cơ quan, đơn vị sự nghiệp 421 tổ chức cơ sở đảng; khối doanh nghiệp có vốn nhà nước 62 tổ chức cơ sở đảng; khối doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước 62 tổ chức cơ sở đảng; khối lực lượng vũ trang 57 tổ chức cơ sở đảng.

² Trong đó có 4.726 đảng viên dân tộc thiểu số, tỷ lệ 10,46%; 4.461 đảng viên trong các tôn giáo, tỷ lệ 9,87%; 9.962 đảng viên là đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tỷ lệ 22%; 2.068 đảng viên dự bị, tỷ lệ 4,57%; tuổi bình quân 42; trình độ học vấn trung học phổ thông tỷ lệ 85%; trình độ qua đào tạo từ trung học chuyên nghiệp trở lên tỷ lệ 67,81%; trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên tỷ lệ 25,23%.

³ Nữ 752 đồng chí, tỷ lệ 17,9% (trong đó: cấp tỉnh 10 đồng chí, tỷ lệ 18,5%; cấp huyện 84 đồng chí, tỷ lệ 14%; cấp cơ sở 658 đồng chí, tỷ lệ 18,66%); dân tộc thiểu số 451 đồng chí, tỷ lệ 10,8% (cấp tỉnh 03 đồng chí, tỷ lệ 5,6%; cấp huyện 42 đồng chí, tỷ lệ 7%; cấp cơ sở 406 đồng chí, tỷ lệ 11,51%).

toán địa phương; một số chỉ tiêu hoàn thành trước kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Nhiều mô hình sản xuất kinh tế có hiệu quả được nhân rộng, chất lượng cuộc sống nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh⁴; chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh tạo được sự lan tỏa và được nhân dân hưởng ứng⁵. Tình hình dân tộc, tôn giáo⁶ cơ bản ổn định, bà con an tâm và tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Đa số các cấp ủy, tổ chức đảng đã có nhiều cố gắng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nhiều cấp ủy đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức đảng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Ban Bí thư, kịp thời phát hiện, uốn nắn, khắc phục những khuyết điểm, hạn chế ở cơ sở; chăm lo đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

- Đa số các cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên có tư tưởng chính trị vững vàng; thực hiện tốt quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết nội bộ; gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan, đơn vị và đời sống hằng ngày.

- Ý thức chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy được nâng lên. Đa số cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có tinh thần trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao; phấn đấu khắc phục các khuyết điểm, hạn chế; tận tụy phục vụ nhân dân; thực hiện nghiêm tự phê bình và phê bình; đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

- Đội ngũ cấp ủy viên, cán bộ, công chức từ tỉnh đến cơ sở cơ bản đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn; trình độ, năng lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội của cán bộ ngày càng được nâng lên; ý thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp được đề cao. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị đã tạo được chuyển biến đáng kể về nhận thức, ý thức tự rèn luyện, tu dưỡng của cấp ủy viên, cán bộ, công chức; dân chủ trong Đảng và đồng thuận xã hội được phát huy. Cấp ủy viên, cán bộ, đảng viên, công chức, nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và công cuộc đổi mới của đất nước.

2. Khó khăn, thách thức

- Tác động của suy thoái, xung đột về kinh tế, chính trị, quân sự liên tục xảy ra ở nhiều khu vực trên thế giới; tình hình tranh chấp Biển Đông, an ninh chính trị trong nước còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn...; thiên tai, dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường.

⁴ Năm 2017 giảm 1,5%, riêng hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số giảm 3%;

⁵ Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn văn minh đô thị đạt 80% (NQ đến năm 2020 đạt 80%);

⁶ Có trên 60% dân số theo các tôn giáo, trong đó chủ yếu 4 tôn giáo lớn là Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao đài với số lượng tín đồ gần 700.000 người, trong đó, tín đồ là đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 24%.

- Kinh tế phát triển chưa thực sự bền vững; chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển của địa phương; một số chỉ tiêu Đại hội X đề ra thực hiện chậm⁷. Một số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp còn lúng túng trước yêu cầu hội nhập quốc tế. Các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ phát triển không đều giữa vùng nông thôn với đô thị; giảm nghèo chưa thật bền vững, đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định.

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng chậm đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo; tình trạng suy thoái về chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực chưa được ngăn chặn, đẩy lùi triệt để; có lúc, có nơi việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách, nghị quyết của cấp trên còn hạn chế; xác định nội dung trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng ở từng thời điểm có lúc chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

- Việc sắp xếp tổ chức bộ máy còn những hạn chế, lúng túng, thiếu đồng bộ... do vướng nhiều cơ chế, chính sách, quy định; việc đổi mới công tác cán bộ còn chậm; công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật trong Đảng trên một số mặt còn thiếu sót; công tác tuyên truyền và dân vận ở một số tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, đoàn thể hiệu quả chưa cao.

Phần thứ nhất **TỔNG KẾT CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG** **VÀ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XII**

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

1. Công tác xây dựng Đảng về chính trị

- Nhận thức sâu sắc, vị trí, tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng về chính trị, nhiệm kỳ 2015 - 2020 Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo các ban xây dựng đảng của Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy thực hiện có hiệu quả việc giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên, trước hết là tổ chức tốt việc học tập, quán triệt đầy đủ đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú⁸.

- Chỉ đạo các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tỉnh tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 16-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khoá X) và Chương trình hành

⁷ Một số chương trình trọng tâm, công trình trọng điểm của tỉnh và của một số địa phương đến nay chưa hoàn thành tiến độ theo nghị quyết, kế hoạch.

⁸ Ngoài việc học tập, bồi dưỡng, nghe quán triệt, viết bài thu hoạch... tập trung, toàn tỉnh hiện nay có 12/12 huyện, thành phố tổ chức chào cờ hằng tháng (đầu tháng) ở thôn, tổ dân phố với tổng số 759 thôn, tổ dân phố tổ chức thực hiện (cụ thể: Huyện Đức Trọng có 109/179 thôn, tổ dân phố; Bào Lâm có 98/136 thôn, tổ dân phố; Đa Huoai có 57/61 thôn, tổ dân phố; Đa Tềh có 61/105 thôn, tổ dân phố; Cát Tiên có 77/81 thôn, tổ dân phố; Di Linh có 96/207 thôn, tổ dân phố; Lâm Hà có 67/200 thôn, tổ dân phố; Đam Rông có 22/52 thôn, tổ dân phố; Đơn Dương có 54/105 thôn, tổ dân phố; Lạc Dương có 18/33 thôn, tổ dân phố; TP Bảo Lộc có 46/160 thôn, tổ dân phố và TP Đà Lạt có 54/249 thôn, tổ dân phố). 100% các cơ quan, đơn vị sự nghiệp tổ chức chào cờ đầu tuần (hàng tuần) cho cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên.

động số 44-CTr/TU của Tỉnh uỷ về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới; hằng năm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên, nhằm thực hiện đúng quy chế học tập gắn với quy hoạch cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức; củng cố kiện toàn, nâng cao chất lượng dạy và học của Trường Chính trị tỉnh, Trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thành phố. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị của tỉnh đã bám sát nhiệm vụ, mục tiêu đào tạo, coi trọng nâng cao chất lượng, đa dạng hoá chương trình, hình thức đào tạo, bồi dưỡng; từng bước đổi mới nội dung, chương trình theo hướng thiết thực, hiệu quả; phương pháp giảng dạy và học tập bước đầu được đổi mới, gắn lý luận với thực tiễn, đáp ứng tốt hơn yêu cầu học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên cơ sở. Qua đó, trình độ nhận thức về lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên được nâng lên, nắm rõ hơn những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng lý luận vào thực tiễn công tác.

- Việc nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng có nhiều chuyển biến so với nhiệm kỳ trước, trong đó cấp tỉnh và cấp huyện chuyển biến mạnh hơn; tinh thần tự phê bình và phê bình trong các buổi họp cấp ủy các cấp, sinh hoạt chi bộ, nhất là tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII có chuyển biến tiến bộ hơn. Đa số các đồng chí bí thư cấp ủy, chi bộ đã có sự chuẩn bị trước nội dung cho các kỳ họp cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, nhất là việc kiểm điểm, đánh giá, phân loại cuối năm. Nhiều chi bộ đã thực sự trở thành nơi trực tiếp lãnh đạo, quản lý, giáo dục, rèn luyện và bồi dưỡng cán bộ, đảng viên.

- Năng lực cụ thể hóa, thể chế hóa chủ trương, đường lối, Nghị quyết Đại hội XII và các văn bản của Trung ương, nghị quyết đại hội đảng bộ cấp trên và cấp mình thành các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kế hoạch đã có những đổi mới đáng kể; nội dung, nhiệm vụ, giải pháp khi cụ thể hóa có trọng tâm, trọng điểm, sát tình hình thực tế của địa phương, được tổ chức lấy ý kiến góp ý trước khi ban hành và được điều chỉnh, bổ sung qua các kỳ sơ kết, tổng kết.

- Trong tổ chức, triển khai thực hiện đã có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cấp ủy, các cơ quan, ban, ngành có liên quan và từng đồng chí cấp ủy viên, cán bộ (đảng viên đối với tổ chức đảng ở cơ sở), nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm, tính tiên phong gương mẫu của từng đồng chí cấp ủy viên, cán bộ, đảng viên đặc biệt là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị.

- Ban lãnh chính trị cán bộ, đảng viên trong lãnh đạo giải quyết những vấn đề khó khăn, phức tạp của địa phương, cơ quan, đơn vị, những bức xúc của người dân; trong tự phê bình, phê bình; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch... có nhiều chuyển biến tích cực. Một số cấp ủy, tổ chức đảng đã mạnh dạn chọn những vấn đề bức xúc, nổi cộm, những yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân để bàn bạc, thảo luận trong cấp ủy, chi bộ và xây dựng nghị quyết chuyên đề để lãnh đạo thực hiện⁹. Đến

⁹ Huyện Đam Rông, huyện Bảo Lâm; định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm, Thường trực Tỉnh ủy có các buổi làm việc trực tiếp ở cơ sở và các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách địa bàn đều dự, theo dõi, nắm các hoạt động của cấp ủy cấp huyện, đồng thời chọn một số tổ chức cơ sở đảng để có hướng chỉ đạo, giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh ở cơ sở; 100% đảng viên là cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn hiện nay đều được phân công về tham gia sinh hoạt tại các chi bộ ở thôn, tổ dân phố sau khi giải thể chi bộ cơ quan xã, phường, thị trấn.

nay đa số tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên của Đảng bộ có lập trường chính trị vững vàng, gương mẫu chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành Điều lệ Đảng; giữ vững phẩm chất, đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh, gần gũi với nhân dân.

2. Công tác tư tưởng, lý luận

- Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận trên địa bàn tỉnh được các cấp uỷ quan tâm. Trong những năm qua nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, hội thảo, tọa đàm trên các lĩnh vực được triển khai cả ở cấp tỉnh và cấp huyện góp phần tích cực vào việc nâng cao nhận thức về tư tưởng, lý luận trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, tạo sự thống nhất tư tưởng trong Đảng và đồng thuận trong xã hội¹⁰.

- Công tác tuyên truyền chỉ thị, nghị quyết của Đảng được coi trọng, là một trong những kênh thông tin trực tiếp tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phổ biến, giáo dục, quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trước các vấn đề thời sự quan trọng trong nước và quốc tế, góp phần tạo sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội. Trong học tập, quán triệt, nhiều báo cáo viên đã chú ý tập trung làm rõ những nội dung mới, cơ bản của nghị quyết, dành nhiều thời gian để thảo luận chương trình hành động thực hiện nghị quyết sát với yêu cầu phát triển của địa phương, đơn vị; phân công các đồng chí cấp uỷ viên, cán bộ ban tuyên giáo phụ trách dự và giám sát việc học tập ở các điểm cầu... Đây là hình thức học tập được cán bộ, đảng viên, nhân dân đón nhận, đánh giá cao, vừa bảo đảm chất lượng truyền đạt nghị quyết vừa tiết kiệm được thời gian, kinh phí cho cơ sở.

- Công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chú trọng chỉ đạo; đã đưa lịch sử Đảng bộ địa phương thành một nội dung chương trình giáo dục chính khóa trong các nhà trường trên địa bàn tỉnh, nhằm trang bị những kiến thức cơ bản, bồi dưỡng thế giới quan, nâng cao bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên. Chỉ đạo các cơ quan chức năng chủ động phối hợp đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, phản động; tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng¹¹...

- Đồng thời thực hiện công tác tư tưởng, lý luận, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và các cấp uỷ đảng đã quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, quán triệt, ban

¹⁰ Thành lập nhóm chuyên gia viết bài đấu tranh phản bác trực diện; trung bình mỗi năm, thành viên trong nhóm chuyên gia đã viết nhiều bài viết có chất lượng để đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, chống phá của các đối tượng thù địch, cực đoan phát tán trên mạng xã hội tạo hiệu ứng mạnh mẽ trên mạng xã hội.

¹¹ Một số ban, ngành, đoàn thể, địa phương, các trường: Trường Chính trị, Trường Đại học Đà Lạt, Học viện Lục quân Đà Lạt ... trên địa bàn tỉnh đã có nhiều tiến bộ trong công tác nghiên cứu khoa học, đặc biệt là nghiên cứu về lý luận chính trị. Đã tổ chức các đề tài nghiên cứu, phân tích, làm rõ thêm một số vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XXI; về định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường, vấn đề công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế; về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; về xây dựng Đảng trong tình hình hiện nay; phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phát triển du lịch gắn với nông nghiệp công nghệ cao; xây dựng nông thôn mới... Bên cạnh đó, từ thực tiễn và nghiên cứu, tỉnh đã làm rõ những vấn đề đổi mới kinh tế đồng bộ với đổi mới chính trị; giải quyết đồng bộ hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội tại tỉnh; nghiên cứu đưa ra đột phá và động lực mới cho phát triển bền vững của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.

hành các văn bản triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW; đã gắn việc thực hiện Chỉ thị với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng Đảng, nhiệm vụ chính trị được giao và các phong trào thi đua yêu nước... Qua 03 năm thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW, các cấp uỷ đảng, cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở đã có nhiều nội dung, giải pháp, cách làm phù hợp, sáng tạo mang lại hiệu quả thiết thực, nhiều kết quả bước đầu được ghi nhận, tạo chuyển biến mạnh mẽ, góp phần quan trọng vào thực hiện nhiệm vụ.

3. Công tác xây dựng Đảng về đạo đức

- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã chỉ đạo các cấp uỷ đảng rà soát, bổ sung chuẩn mực đạo đức, xây dựng các tiêu chí phù hợp với đặc điểm tình hình của từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Thực hiện Quy định số 08-QĐi/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương, Tỉnh uỷ đã ban hành quy định cụ thể hoá về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, uỷ viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; trên cơ sở đó cấp uỷ các cấp trong toàn Đảng bộ đã cụ thể hoá thành quy định trách nhiệm nêu gương đối với cấp uỷ viên và cán bộ, đảng viên ở cấp mình quản lý và nhiều quy định khác.

- Xuất phát từ tình hình thực tế và yêu cầu nhiệm vụ, nhiều địa phương, cơ quan, đơn vị tiếp tục duy trì và thực hiện các chuẩn mực đạo đức¹² tạo sự chuyển biến rõ nét trong cán bộ, đảng viên về tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân.

- Việc chỉ đạo và tổ chức kiểm điểm, tự phê bình và phê bình hàng năm được thực hiện nghiêm túc; trong kiểm điểm hàng năm ngoài nội dung kiểm điểm theo yêu cầu, trước khi tiến hành tổ chức kiểm điểm, cấp tỉnh, cấp huyện đều có những nội dung gợi ý kiểm điểm đối với những tập thể, cá nhân về trách nhiệm để xảy ra khuyết điểm, hạn chế, chưa hoàn thành nhiệm vụ hoặc có dư luận không tốt theo tinh thần Nghị quyết và các văn bản chỉ đạo của Trung ương¹³. Nội dung gợi ý kiểm điểm tập trung vào trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ được giao và những tồn tại, hạn chế, khuyết điểm thuộc các lĩnh vực: Quản lý, bảo vệ rừng; khai thác lâm sản, khoáng sản trái phép; tình trạng đơn thư, khiếu nại, tố cáo phát sinh trên địa bàn; công tác cán bộ; công tác quản lý nguồn vốn và chất lượng công trình dự án đầu tư; việc lãnh đạo giải quyết và xem xét xử lý các cán bộ để xảy ra các vụ án do tòa án cấp trên hủy, cải sửa nặng; công tác cải cách hành chính, về thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII... Ngoài ra, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã gợi ý để làm rõ trách nhiệm của các tập thể, cá nhân trong công tác tham mưu, quản lý Nhà nước trên một số lĩnh vực,... Qua kiểm điểm trách nhiệm của các tập thể, cá nhân được nâng lên, mạnh dạn nhận khuyết

¹² Như: “Minh bạch - Chuyên nghiệp - Liêm chính - Đổi mới”, “Tuyệt đối trung thành với Đảng, tận tụy với nhiệm vụ, trung thực, liêm khiết, đoàn kết, kỷ luật”, “Công minh - Chính trực - Khách quan - Thận trọng - Khiêm tốn”, “Kỷ luật tốt, làm việc tốt, tự giác tốt, đánh giá tốt”, “Trung thành, đoàn kết, cần, kiệm, liêm, chính, gương mẫu, đổi mới”, nội dung “5 xây, 5 chống”, “5 tiêu chí rèn luyện - 10 tiêu chí hành động”, “21 tiêu chí thực hiện”, phong trào “3 trách nhiệm trong công chức, viên chức trẻ”.

¹³ Năm 2017, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã gợi ý kiểm điểm đối với 10 tập thể và 02 cá nhân, trong đó nội dung tập trung gợi ý vào công tác quản lý, bảo vệ rừng, đất lâm nghiệp; khai thác lâm sản, tài nguyên khoáng sản; quản lý nguồn vốn đầu tư; xem xét các vụ án... Năm 2018, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gợi ý kiểm điểm 08 tập thể và các cá nhân liên quan; UBND tỉnh gợi ý kiểm điểm đối với 15 tập thể trực thuộc (5 huyện, thành phố, 10 sở, ban, ngành).

điểm, tự phê bình và phê bình đã có bước chuyển biến tương đối tốt, hầu như không còn tình trạng kiểm điểm xuê xoa, hình thức như trước.

- Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW đạt nhiều kết quả tích cực. Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng đã quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, quán triệt, ban hành các văn bản triển khai thực hiện; các địa phương đã nghiêm túc trong tổ chức học tập chuyên đề hàng năm, tổ chức các hội thi, đã gắn việc thực hiện Chỉ thị với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, nhiệm vụ chính trị được giao và các phong trào thi đua yêu nước... Nhiều cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở đã có nhiều nội dung, giải pháp, cách làm phù hợp, sáng tạo mang lại hiệu quả thiết thực. Ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, thái độ, tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức được nâng lên; các cấp, các ngành, đoàn thể đã phát huy tinh thần chủ động sáng tạo, tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao.

- Việc nêu gương và một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; việc đăng ký các nội dung nêu gương gắn với cam kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 và đăng ký làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của cán bộ, đảng viên, được thực hiện nghiêm túc, sát với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và chức trách, nhiệm vụ được giao của từng cán bộ, đảng viên; kết quả thực hiện các nội dung cam kết và đăng ký là cơ sở quan trọng để bình xét, đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên cuối năm.

- Việc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, “lợi ích nhóm”, nói không đi đôi với làm của cán bộ, đảng viên đang đi vào chiều sâu; đoàn kết thống nhất trong cấp ủy, tổ chức đảng, chỉ bộ được củng cố. Việc giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt các cấp và cán bộ đảng viên được cấp ủy các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Đạo đức công vụ, tinh thần thái độ phục vụ người dân và doanh nghiệp của cán bộ, công chức trong các cơ quan, đơn vị được nâng lên.

4. Xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị

- Sau Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị thông báo nhanh và Hội nghị cán bộ chủ chốt quán triệt, học tập Nghị quyết; trên cơ sở đó, các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức hội nghị quán triệt đến cán bộ, đảng viên cơ sở¹⁴. Để cụ thể hoá Nghị quyết số 18 và Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/4/2018 Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 48 và Kế hoạch số 49-KH/TU; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 2 kế hoạch để triển khai thực hiện. Nội dung kế hoạch xác định rõ các nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ theo lộ trình đối với từng cấp ủy, tổ chức đảng, địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Việc thực hiện các chủ trương thí điểm về hợp nhất một số cơ quan đảng và nhà nước có chức năng, nhiệm vụ tương đồng đang được Ban Thường vụ Tỉnh ủy

¹⁴ Toàn tỉnh đã tổ chức được 317 lớp cho 47.896 cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang, giáo viên, chức sắc tôn giáo tham dự, trong đó đảng viên tham gia đạt trên 95%.

chỉ đạo các cơ quan liên quan tổ chức khảo sát đề thí điểm. Đến nay, đã có Thành ủy Đà Lạt; huyện ủy Đa Tễ; Đa Huoai; Lâm Hà đang xây dựng đề án.

- Việc thực hiện kiêm nhiệm một số chức danh đang được tổ chức triển khai, đến nay đã có 06/12 huyện, thành phố thực hiện thí điểm trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch ủy ban Mặt trận Tổ quốc; 12/12 huyện, thành phố thực hiện trưởng ban tuyên giáo đồng thời là giám đốc trung tâm bồi dưỡng chính trị; 06/12 bí thư cấp huyện; 82/147 bí thư cấp xã đang thực hiện mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân; 14/147 xã, phường, thị trấn đang thực hiện mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân. Đầu năm 2019, đã thực hiện thí điểm hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo chủ trương của Trung ương và nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan tham mưu, giúp việc của các cấp ủy đảng; rà soát, sắp xếp giảm đầu mối bên trong các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc ủy ban nhân dân; việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của các tổ chức đảng đã và đang được tổ chức thực hiện tích cực, phù hợp với điều kiện thực tế^{15, 16, 17, 18, 19}.

¹⁵ Cụ thể: (1) Văn phòng Tỉnh ủy sắp xếp giảm 03 phòng (từ 06 phòng và Nhà khách xuống còn 02 phòng, 01 khối tham mưu - tổng hợp và Nhà khách); giảm 04 trưởng phòng và 12 phó trưởng phòng; (2) Ban Tổ chức Tỉnh ủy sắp xếp giảm 01 phòng và văn phòng (từ 04 phòng và văn phòng xuống còn 03 phòng trực thuộc); giảm 02 trưởng phòng và 06 phó trưởng phòng; (3) Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy sắp xếp giảm 02 phòng và văn phòng (từ 05 phòng và văn phòng xuống còn 03 phòng), thực hiện chế độ chuyên viên, phân công các đồng chí Lãnh đạo Ban phụ trách từng phòng; giảm 06 trưởng phòng và 02 phó trưởng phòng; (4) Ban Dân vận Tỉnh ủy giảm 03 phòng và văn phòng, thực hiện chế độ chuyên viên, phân công từng chuyên viên phụ trách mảng công việc; giảm 03 trưởng phòng và 04 phó trưởng phòng; (5) Ban Nội chính Tỉnh ủy giảm 01 văn phòng (từ 02 phòng và văn phòng xuống còn 02 phòng); giảm 01 trưởng phòng; (6) Cơ quan Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy sắp xếp giảm 01 phòng và văn phòng (từ 04 phòng và văn phòng xuống còn 03 phòng trực thuộc); giảm 02 trưởng phòng và 03 phó trưởng phòng; (7) Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh giảm 01 ban (từ 03 ban và văn phòng xuống còn 02 ban và văn phòng); giảm 04 phó ban; (8) Hội Nông dân tỉnh giảm 02 ban và 01 trung tâm (từ 07 gồm văn phòng, 04 ban, 01 trung tâm và 01 đơn vị sự nghiệp giảm xuống còn 04 gồm văn phòng, 02 ban và đơn vị sự nghiệp); giảm 02 trưởng ban và 01 phó trưởng ban; (9) Liên đoàn Lao động tỉnh giảm 03 ban (từ 07 ban và văn phòng xuống còn 04 ban và văn phòng); giảm 05 trưởng ban và 02 phó trưởng ban; (10) Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh giảm 03 ban và văn phòng (từ 05 ban và văn phòng xuống còn 02 ban); giảm 02 trưởng ban và 01 phó trưởng ban; (11) Tỉnh đoàn giảm 03 ban và 01 đơn vị sự nghiệp (từ 6 ban, văn phòng và 02 đơn vị sự nghiệp giảm xuống còn 03 ban và 01 đơn vị sự nghiệp); phân công 03 đồng chí phó bí thư tỉnh đoàn kiêm trưởng 03 ban chuyên môn Tỉnh đoàn; giảm 6 trưởng ban và 7 phó trưởng ban; (12) Hội Cựu chiến binh tỉnh giảm 01 ban và 01 văn phòng (từ 03 ban và văn phòng xuống còn 02 ban); giảm 02 trưởng ban; (13) Trường chính trị giảm 01 khoa, 01 phòng và 01 trung tâm (từ 04 khoa, 03 phòng và 01 trung tâm xuống còn 03 khoa và 02 phòng); giảm 02 trưởng phòng và 06 phó trưởng phòng; (14) Báo Lâm Đồng giảm 03 phòng (từ 06 phòng và Văn phòng thường trú tại Tp. Bảo Lộc xuống còn 04 phòng).

¹⁶ Sở VH-TT-DL: giảm 02 đơn vị; Tỉnh đoàn: giảm 01 đơn vị; Sở NN&PTNT: giảm 02 đơn vị; Sở LĐ-TB&XH: giảm 02 đơn vị; Sở Công thương: giảm 01 đơn vị; Ban Dân tộc tỉnh: giảm 01 đơn vị; Sáp nhập Trung tâm DS-KHHGĐ các huyện, thành phố vào Trung tâm Y tế các huyện, thành phố (giảm được 12 đơn vị); Sáp nhập phòng Kiểm soát thủ tục hành chính vào Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chuyển giao Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh trực thuộc Sở GD-ĐT về trực thuộc UBND TP. Bảo Lộc và đổi tên thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, Sáp nhập Công ty phát triển hạ tầng KCN Phú Hội vào Công ty phát triển hạ tầng KCN Lộc Sơn và đổi tên thành Công ty phát triển hạ tầng KCN Lộc Sơn - Phú Hội. Sở Khoa học và Công nghệ: Theo tổ chức mới, hiện có 04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ (giảm 02 phòng); có 02 đơn vị sự nghiệp (giảm 01 đơn vị); cán bộ lãnh đạo cấp phòng giảm từ 12 xuống còn 08 đồng chí, số lượng cán bộ lãnh đạo cấp đơn vị trực thuộc giảm từ 09 xuống còn 06 đồng chí. Đến tháng 7/2019 giảm được 02 biên chế công chức và 03 biên chế viên chức, đạt tỷ lệ 83%.

¹⁷ Có 12/12 huyện, thành phố thực hiện việc sáp nhập Đài Truyền thanh truyền hình vào Trung tâm Văn hóa - Thể thao; riêng huyện Bảo Lâm thực hiện việc sáp nhập Trung tâm phát triển quỹ đất vào Trung tâm Quản lý và Khai thác công trình công cộng.

¹⁸ Thành phố Đà Lạt giảm 05 trường; huyện Lạc Dương giảm 02 trường; huyện Đơn Dương giảm 04 trường; huyện Đức Trọng giảm 06 trường; huyện Lâm Hà giảm 08 trường; huyện Đam Rông giảm 03 trường; huyện Di Linh giảm 08 trường; Thành phố Bảo Lộc giảm 05 trường; huyện Bảo Lâm giảm 11 điểm trường và trường; huyện

- Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã; thôn, tổ dân phố đang được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện. Đến nay đã có 03 huyện đang tiến hành xây dựng đề án sáp nhập với 07 đơn vị hành chính cấp xã và khoảng 800 thôn, tổ dân phố.

- Để cụ thể hoá các quy định, hướng dẫn của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, mối quan hệ công tác, quy chế làm việc của địa phương, cơ quan, đơn vị; việc phân công, phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời, quán triệt, triển khai và cụ thể hóa thực hiện trong toàn Đảng bộ; đồng thời chỉ đạo các huyện ủy, thành ủy căn cứ vào các văn bản trên và tình hình thực tế tại địa phương để xây dựng các quy chế làm việc của cấp ủy cấp mình²⁰.

5. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên

- Đa số các cấp ủy, tổ chức đảng đã có nhiều cố gắng trong công tác xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nhiều cấp ủy đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Ban Bí thư, kịp thời phát hiện, uốn nắn, khắc phục những biểu hiện yếu kém, sai sót ở cơ sở; chăm lo đổi mới nội dung sinh hoạt, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu trong sinh hoạt chi bộ. Hiện nay, 100% các tổ chức cơ sở đảng trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp do đồng chí thủ trưởng hoặc cấp phó của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp làm bí thư, các đồng chí trưởng hoặc phó các phòng, ban là chi ủy viên, đảng ủy viên (nơi có cấp ủy). Việc thực hiện chủ tịch hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) đồng thời là bí thư cấp ủy chủ yếu tập trung đối với doanh nghiệp Nhà nước, đối với doanh nghiệp ngoài Nhà nước chủ trương này thực hiện còn hạn chế. 100% các thủ trưởng đơn vị trong Công an nhân dân đồng thời là bí thư cấp ủy. Vì vậy, đa số các tổ chức cơ sở đảng đều thực hiện tốt và đúng chức năng, nhiệm vụ, phát huy được năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu.

- Sau mỗi kỳ đại hội, khi có sửa đổi quy định mới về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cấp ủy cấp trên cơ sở chỉ đạo các cấp ủy cơ sở rà soát, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, xây dựng quy chế làm việc của cấp ủy, trong đó đặc biệt chú ý mối quan hệ phối hợp đối với tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương khi thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng, cơ quan, đơn vị.

- Công tác kiện toàn, sắp xếp tổ chức đảng đồng bộ với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở cơ sở được thực hiện song song, kịp thời nhất là ở những cơ quan, đơn vị sáp nhập, hợp nhất. Việc giải thể chi bộ cơ quan xã, phường, thị trấn, đưa cán bộ, công chức, đảng viên ở cơ sở về tham gia sinh hoạt ở thôn, tổ dân

Dạ Têh giám 02 trường và huyện Cát Tiên giám 03 trường.

¹⁹ Dự kiến năm 2019 giảm 887 người, năm 2020 giảm 1.164 người, năm 2021 giảm 1.918 người.

²⁰ Quy định số 02-QĐ/TU ngày 31/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy khóa X (nhiệm kỳ 2015 - 2020).

phổ là phù hợp, giúp cho cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn gắn bó chặt chẽ với nhân dân; tăng cường phối hợp công tác ở thôn, tổ dân phố, không để xảy ra điểm “nóng”, phức tạp ở cơ sở; gắn trách nhiệm của cán bộ, công chức với cơ sở, giúp việc nắm tình hình cũng như việc chuyển tải chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nội dung công việc của đảng ủy, cơ quan xã, phường, thị trấn xuống đến cơ sở thông qua sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt khu dân cư đúng hướng, kịp thời; công tác xây dựng đảng ở khu vực kinh tế tư nhân được quan tâm²¹, một số tổ chức đảng đã phát huy được vai trò trong việc tham gia với hội đồng quản trị, ban giám đốc về phương hướng phát triển của doanh nghiệp, công tác cán bộ của doanh nghiệp, và chăm lo đời sống cho người lao động.

- Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, củng cố tổ chức cơ sở đảng yếu kém được thường xuyên quan tâm; định kỳ Thường trực Tỉnh ủy có các buổi làm việc trực tiếp ở cơ sở và các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách địa bàn dự, theo dõi, nắm các hoạt động của cấp ủy cấp huyện, đồng thời chọn một số tổ chức cơ sở đảng để có hướng chỉ đạo, giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh ở cơ sở. Sau mỗi đợt kiểm tra định kỳ, đều có văn bản thông báo kết luận những việc làm được, chưa làm được và định hướng giải quyết đối với những vấn đề khó khăn, vướng mắc không thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp cơ sở, cấp trên cơ sở. Bên cạnh đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy còn thành lập các Tổ công tác theo chuyên đề để giúp Ban Thường vụ kiểm tra, theo dõi, đôn đốc cấp ủy các cấp trong triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chương trình hành động, kế hoạch,... của Trung ương và của tỉnh theo đúng yêu cầu. 100% các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc đang thực hiện việc phân công cấp ủy theo dõi địa bàn và định kỳ dự sinh hoạt với các chi bộ được giao phụ trách. Hằng năm, khi dự kiểm điểm và tiến hành thẩm định đánh giá, phân loại, các đồng chí được phân công phụ trách đều phải báo cáo trước tập thể ban thường vụ về kết quả theo dõi và những mặt hạn chế, khuyết điểm của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

- Thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 30/3/2007 của Ban Bí thư về “Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ”, Hướng dẫn số 09-HD/BTCTW ngày 02/3/2012 và Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW ngày 06/7/2018 của Ban Tổ chức Trung ương về “Nội dung sinh hoạt chi bộ” và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp đã chú trọng lãnh chỉ đạo đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ; tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, nhất là tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII có chuyển biến tiến bộ hơn, nhiều bí thư cấp ủy, chi bộ đã có sự đầu tư kỹ lưỡng cho các buổi sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề; số lượng các ý kiến tham gia trong các buổi sinh hoạt chi bộ nhiều hơn, số lượng đảng viên vắng mặt trong các kỳ họp ngày càng ít; chất lượng sinh hoạt chi bộ được nâng lên²².

²¹ Thực hiện Chương trình hành động số 63-CT/TU ngày 12/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp tư nhân; phát triển đảng trong khu vực kinh tế tư nhân, đến nay Đảng ủy Khối Doanh nghiệp và hầu hết các huyện ủy, thành ủy đã xây dựng kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện.

²² Chất lượng sinh hoạt có nhiều chuyển biến tích cực tập trung đa số ở loại hình cơ quan (nhất là ở khối Đảng, cơ quan Nhà nước) và ở một số lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp.

- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy thường xuyên chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng xây dựng kế hoạch tạo nguồn phát triển đảng viên; chú trọng bồi dưỡng, kết nạp các chức danh chủ chốt, đoàn viên, thanh niên, trí thức trẻ tình nguyện đang phục vụ tại địa phương, công nhân trong các doanh nghiệp và những nơi có ít hoặc chưa có đảng viên. Nhiều tổ chức cơ sở đảng đã xây dựng nghị quyết chuyên đề, đăng ký chỉ tiêu phấn đấu hằng năm, ở một số địa bàn xã, thị trấn (Huyện ủy Bảo Lâm, Huyện ủy Đức Trọng, Huyện ủy Đa Têh, Huyện ủy Di Linh, Huyện ủy Lạc Dương ...) đã giao nhiệm vụ cho đảng ủy viên cơ sở phụ trách địa bàn về sinh hoạt tại chi bộ thôn, tổ dân phố, qua đó tiếp cận, phát hiện những nhân tố tích cực để bồi dưỡng, giáo dục, tạo nguồn phát triển đảng viên. Công tác quản lý đảng viên được tăng cường, nhất là đối với số đảng viên đi làm ăn xa, đảng viên đi công tác hay đi tham quan, du lịch ở nước ngoài...

- Đội ngũ cấp ủy cơ sở cơ bản đảm bảo chất lượng, tính kết thừa, phát triển, có số lượng, cơ cấu hợp lý để lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ²³. Các cấp ủy đã quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị cho đội ngũ cấp ủy, cán bộ, đảng viên²⁴, coi trọng việc đổi mới phương thức thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, qua đó, góp phần chuẩn hóa đội ngũ cấp ủy, cán bộ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, năng lực điều hành quản lý của chính quyền và đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể trong hệ thống chính trị ở cơ sở.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Hướng dẫn số 17-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương về việc kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 71-KH/TU ngày 10/4/2013 để chỉ đạo các huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đã kết nạp được 02 đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng²⁵.

- Công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên, tập thể lãnh đạo quản lý các cấp (nhất là từ khi có Quy định 32-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương) được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy tổ chức tiến hành thực hiện nghiêm túc, đúng tiêu chuẩn, đảm bảo chất lượng gắn với việc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ và việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Trong kiểm điểm đã thể hiện và đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy tính tự giác, nêu cao tinh thần đấu tranh tự phê bình, phê bình trên cơ sở thẳng thắn, mang tính xây dựng, đoàn kết nội bộ, cầu thị, nghiêm túc. Kết quả đánh giá số tổ chức cơ sở đảng đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ có tỷ lệ

²³ Toàn tỉnh hiện nay có 3.526 cấp ủy viên ở cơ sở.

²⁴ Tính từ đầu nhiệm kỳ đến nay, toàn tỉnh đã mở được 3.476 lớp với trên 374.071 lượt học viên tham dự, trong đó: Trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thành phố đã mở được 3.401 lớp với 368.071 lượt học viên tham gia; Trường Chính trị tỉnh đã mở được 76 lớp với 6.000 lượt cán bộ, đảng viên tham gia.

²⁵ Huyện Di Linh 01; thành phố Đà Lạt 01.

trung bình 17,8%; hoàn thành tốt nhiệm vụ 69,3%; hoàn thành nhiệm vụ trung bình tỷ lệ 11%; không hoàn thành nhiệm vụ trung bình tỷ lệ 1,9%²⁶.

6. Công tác cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ

- Trên cơ sở những văn bản của Trung ương về công tác cán bộ và phân cấp quản lý cán bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời ban hành các văn bản để triển khai thực hiện trong toàn tỉnh²⁷. Quá trình thực hiện công tác cán bộ, các cấp ủy và người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, bảo đảm quy trình; phát huy trách nhiệm, quyền hạn của từng cấp ủy viên, tập thể lãnh đạo, nhất là trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu; kịp thời phát hiện, uốn nắn và xử lý cá nhân sai phạm.

- Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy luôn quan tâm thực hiện nghiêm các quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý, đánh giá cán bộ, xem đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên vì vậy, công tác đánh giá cán bộ đã có nhiều đổi mới về nhận thức và cách làm²⁸; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có chuyển biến tích cực, đi vào chiều sâu²⁹; công tác luân chuyển³⁰, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử đi vào nê nếp, có nhiều đổi mới, đúng theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của tổ chức chính trị - xã hội, đảm bảo nguyên tắc Đảng lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý cán bộ. Việc thi tuyển các chức danh lãnh đạo quản lý đang được thí điểm và cho thấy hiệu quả tích cực³¹.

²⁶ Tập trung đa số ở các loại hình tổ chức cơ sở đảng (phường, xã, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang); lý do bị xếp loại yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ chủ yếu là do có cán bộ chủ chốt, đảng viên bị kỷ luật.

²⁷ Đề án số 01-ĐA/TU ngày 14/09/2017 về thi điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo, quản lý cấp sở, cấp phòng tỉnh Lâm Đồng; Đề án số 02-ĐA/TU ngày 01/4/2018 vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và các đơn vị sự nghiệp khối Đảng tỉnh; Kế hoạch số 28-KH/TU, ngày 21/4/2017 thực hiện công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 35-KH/TU, ngày 14/9/2017 đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; điều động, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp giai đoạn 2017-2020; Kế hoạch số 63-KH/TU, ngày 10/10/2018 thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Quy chế số 05-QC/TU, ngày 27/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tuyển dụng viên chức Trường Chính trị, Báo Lâm Đồng; Quy định số 06-QĐ/TU, ngày 26/4/2018 về luân chuyển cán bộ.

²⁸ Đối với các đồng chí lãnh đạo cấp ủy, việc phân loại cán bộ còn gắn với đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và vai trò, trách nhiệm của cấp ủy viên theo quy chế làm việc. Hằng năm việc đánh giá cán bộ được thực hiện theo quy trình đánh giá cán bộ, gắn với phân tích chất lượng đảng viên, kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và theo quy định của Trung ương và Chính phủ; đồng thời nhấn mạnh một số tiêu chí (hiệu quả công tác của cán bộ trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao ở vị trí công tác; mức độ tin nhiệm của cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân; kết quả khắc phục hạn chế, khuyết điểm sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và khắc phục những vấn đề phát sinh mới qua kiểm điểm hàng năm...).

²⁹ Đào tạo, bồi dưỡng công chức cấp tỉnh, cấp huyện: về chuyên môn: Tiến sĩ: 34 người; Thạc sĩ: 740 người; đại học: 4.156, cao đẳng: 2.927, trung cấp: 1.807, bồi dưỡng: 27.586 lượt; Về lý luận chính trị: Cử nhân: 8, cao cấp: 885, trung cấp: 2.678, sơ cấp: 306; bồi dưỡng: 1.095.; Về quản lý nhà nước: Chuyên viên cao cấp: 66, chuyên viên chính: 551, chuyên viên: 1.978; Ngoại ngữ: 2.653, tin học: 3.358, tiếng dân tộc 1.353 người. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã: về chuyên môn: Thạc sĩ: 8 người, đại học: cao đẳng: 327 người, Trung cấp: 1.740 người; về Lý luận chính trị: Cử nhân: 9 người, Cao cấp: 31 người, Trung cấp: 548 người, Sơ cấp: 257 người, bồi dưỡng: 372; về Tin học: 2.386 người; ngoại ngữ: 257 người; tiếng dân tộc: 624 người; bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn và các kỹ năng: 8.473 người.

³⁰ Số cán bộ luân chuyển (từ đầu nhiệm kỳ đến nay) từ tỉnh về huyện, thành phố: 6 đồng chí từ tỉnh về huyện, thành phố, giữ các chức vụ Phó Bí thư huyện ủy 02 đồng chí, Chủ tịch UBND huyện 01 đồng chí; Bí thư 3 đồng chí. Số cán bộ luân chuyển huyện, thành phố về tỉnh: 3 đồng chí. Số cán bộ luân chuyển từ ngành này sang ngành khác: 3 đồng chí. Số cán bộ luân chuyển từ huyện, thành phố về xã, phường, thị trấn: 42 đồng chí; Số cán bộ luân chuyển từ xã, phường, thị trấn về huyện, thành phố: 18 đồng chí; Số cán bộ luân chuyển từ xã, phường, thị trấn này sang xã, phường, thị trấn khác: 6 đồng chí.

³¹ Từ năm 2016 đến nay, đã tổ chức 2 kỳ thi tuyển các chức danh lãnh đạo cấp sở và đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở (Phó giám đốc Sở Tư pháp, Phó giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh thuộc Sở Y tế) và đang chuẩn bị thi tuyển chức danh Phó giám đốc Sở TN&MT.

- Công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng gắn với nhiệm vụ xây dựng Đảng được Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng luôn coi trọng, đã làm tốt công tác nắm tình hình chính trị nội bộ, tiêu chuẩn chính trị của cán bộ, đảng viên; xử lý kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo; quản lý cán bộ, đảng viên đi nước ngoài cơ bản đúng quy định. Các cấp ủy đã chỉ đạo làm rõ và kết luận nhiều trường hợp về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay, phục vụ công tác phát triển đảng viên và công tác cán bộ. Qua rà soát, đã xác định nhiều trường hợp cán bộ, đảng viên chưa đủ tiêu chuẩn chính trị, một số trường hợp vi phạm nghiêm trọng, sau khi có kết luận, cấp có thẩm quyền đã xem xét, quyết định theo quy định (*đưa ra khỏi quy hoạch, đưa ra khỏi cấp ủy hoặc không cơ cấu vào cấp ủy khoá mới, không giới thiệu ứng cử các chức danh bầu cử HĐND các cấp...*). Việc rà soát, thẩm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị và sử dụng, quản lý cán bộ, đảng viên luôn đảm bảo chặt chẽ, đúng nguyên tắc, quy trình, quy định và được tiến hành thận trọng, khách quan³². Quá trình rà soát lịch sử chính trị, đã chú trọng xem xét vấn đề lịch sử chính trị và chính trị hiện nay, có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan đọc, khai thác hồ sơ, nhằm đảm bảo kết luận về chính trị đối với cán bộ, đảng viên phù hợp với lịch sử, không sai lệch hồ sơ.

7. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng

- Ngay từ đầu nhiệm kỳ, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp trong toàn Đảng bộ đã tổ chức quán triệt, học tập các nghị quyết, chỉ thị, quy định và đẩy mạnh tuyên truyền về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng trong giai đoạn hiện nay. Nhìn chung, các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nhận thức khá đầy đủ và sâu sắc hơn tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, tạo thống nhất cao về nhận thức và hành động, thấy rõ quyết tâm chính trị cao của Đảng trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng để củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

- Trên cơ sở các quy định của Trung ương được ban hành sau Đại hội XII của Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và cấp ủy các cấp ban hành nhiều văn bản về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng để cụ thể hóa, triển khai thực hiện trong toàn Đảng bộ³³.

³² Tính đến nay, toàn tỉnh đã tiến hành rà soát 8.825 hồ sơ cán bộ, đảng viên, đã phát hiện 1.392 trường hợp có vấn đề cần xem xét về chính trị bản thân và gia đình thuộc diện điều chỉnh của Quy định số 126-QĐ/TW của Bộ Chính trị. Trong đó: 187 trường hợp về công tác cán bộ (67 trường hợp không đủ tiêu chuẩn chính trị để cơ cấu vào cấp ủy, làm cán bộ chủ chốt hoặc làm việc ở các cơ quan, bộ phận trọng yếu cơ mật của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội; 94 trường hợp không đủ tiêu chuẩn chính trị để bổ trí vào chức vụ cao hơn; 26 trường hợp không đủ tiêu chuẩn chính trị phải đưa ra khỏi cấp ủy, thôi làm cán bộ chủ chốt). 1.205 trường hợp hồ sơ kết nạp đảng viên (89 trường hợp không đủ tiêu chuẩn chính trị nên không được kết nạp vào Đảng). Các đơn vị thực hiện tốt: huyện Cát Tiên, Đa Tề, Di Linh, Lâm Hà, Tp Đà Lạt ...

Có 29 đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan tới vấn đề lịch sử chính trị hoặc chính trị hiện nay của cán bộ, đảng viên, đã xem xét, giải quyết xong 28 đơn, hiện nay còn một trường hợp đang đề nghị Cục Bảo vệ chính trị nội bộ - Ban Tổ chức Trung ương giải quyết theo thẩm quyền.

³³ Tỉnh ủy đã ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Quy định kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế phối hợp giữa ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với các cơ quan chức năng. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã ban hành quy trình tiến hành công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật của Đảng; sửa đổi quy định về tổ chức và hoạt động của đoàn kiểm tra, giám sát của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; ban hành hệ thống mẫu văn bản nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; quy trình tiếp nhận, xử lý đơn thư, tiếp đảng viên, công dân và một số văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng để tổ chức thực hiện.

- Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng, các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp luôn bám sát và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, thống nhất các quy định của Điều lệ Đảng; Quy định của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm; về xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm, các văn bản hướng dẫn và một số văn bản khác của Trung ương. Quá trình thực hiện một số trường hợp có sự vận dụng linh hoạt, phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh của địa phương, đơn vị nhưng vẫn đảm bảo giữ vững nguyên tắc, quy trình, quy định nhằm đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng của Đảng bộ. Những vấn đề mới phát sinh, chưa có trong quy định đã kịp thời xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên.

- Công tác xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm của Đảng bộ luôn đảm bảo phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thẩm quyền và trình tự, thủ tục; vi phạm đến đâu, xử lý đến đó, xóa bỏ tư tưởng “trên nhẹ, dưới nặng”; đảm bảo tính dân chủ, công tâm, khách quan, coi trọng yếu tố giáo dục, xây dựng; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi cố ý vi phạm, ảnh hưởng uy tín của tổ chức đảng, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp chú trọng công tác kiểm tra, giám sát người đứng đầu trong thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, trách nhiệm nêu gương, gắn trách nhiệm tập thể với trách nhiệm cá nhân người đứng đầu. Trong nhiệm kỳ, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã tập trung kiểm tra, giám sát nhiều cán bộ chủ chốt ở các địa phương, đơn vị, đặc biệt những cán bộ phụ trách lĩnh vực quan trọng, địa bàn trọng điểm, những nơi có dư luận, đơn thư, có biểu hiện mất đoàn kết, độc đoán, qua đó, kịp thời chấn chỉnh, nhắc nhở, xử lý nghiêm các vi phạm.

- Ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ đã phát huy vai trò, trách nhiệm, chủ động trong tham mưu cho cấp ủy và tổ chức thực hiện toàn diện, hiệu quả nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng, chú trọng thực hiện nhiệm vụ trọng tâm kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương, vào cuộc tích cực, quyết liệt và hiệu quả, qua đó đã phát hiện, kiểm tra, xử lý nhiều tổ chức đảng và đảng viên vi phạm, kể cả cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý, nhiều cán bộ giữ cương vị quan trọng của địa phương, đơn vị, những lĩnh vực trước đây ít được kiểm tra (như khối nội chính...). Bên cạnh đó, ủy ban kiểm tra các cấp đã tăng cường công tác giám sát để kịp thời phát hiện, nhắc nhở chấn chỉnh những khuyết điểm và kiểm tra, xử lý vi phạm; tích cực tham mưu cho cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; tiếp tục thể hiện là lực lượng nòng cốt trong công tác kiểm tra, giám sát của Đảng³⁴.

³⁴ Trong nhiệm kỳ (tính từ 16/12/2015 đến 15/6/2019) cấp ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy, chỉ bộ đã kiểm tra 3.509 tổ chức đảng và 12.827 đảng viên; giám sát 1.431 tổ chức đảng và 4.575 đảng viên theo Điều 30 Điều lệ Đảng. Ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra 91 tổ chức và 308 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; giám sát 1.137 tổ chức đảng và 2.295 đảng viên; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra 2.190 tổ chức; kiểm tra việc thi hành kỷ luật 230 tổ chức; kiểm tra thu chi ngân sách đảng 210 tổ chức; kiểm tra việc thu nộp đảng phí 15.057 tổ chức. Toàn Đảng bộ thi hành kỷ luật 7 tổ chức đảng (khiển trách 6, cảnh cáo 1) và 631 đảng viên (khiển trách 450, cảnh cáo 127, cách chức 13, khai trừ 41); giải quyết tố cáo 8 tổ chức đảng và 96 đảng viên; giải quyết khiếu nại kỷ luật 17 đảng viên.

- Rút kinh nghiệm từ nhiệm kỳ trước, ủy ban kiểm tra các cấp đã tăng cường công tác phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với tổ chức đảng và cơ quan liên quan; thường xuyên trao đổi, thông tin, phối hợp chặt chẽ trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, nhất là công tác kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại, xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên.

8. Công tác dân vận, tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân

- Thực hiện chương trình công tác dân vận theo chỉ đạo của Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh ủy³⁵, các cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp đã đưa công tác tuyên truyền, vận động quần chúng trở thành nhiệm vụ thường xuyên gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan Nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức; đưa việc thực hiện công tác dân vận là một trong những tiêu chí đánh giá, phân loại thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân cơ quan nhà nước các cấp hàng năm. Từ đó, các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh cơ bản nhận được sự đồng tình của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

- Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng về cơ sở, làm nòng cốt trong việc nắm bắt tình hình nhân dân, phát huy dân chủ, tăng cường hoạt động giám sát, phản biện, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền; các phong trào thi đua yêu nước được đẩy mạnh gắn với việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, nâng cao đời sống của nhân dân, giải quyết có hiệu quả những nhu cầu, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của nhân dân.

- Việc triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở trên địa bàn tỉnh trong nhiệm kỳ đạt kết quả tích cực; phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra - giám sát” và cán bộ, đảng viên trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân được các cấp chính quyền, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc, đã phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên các lĩnh vực, huy động được nhiều nguồn lực để phát triển hạ tầng, phục vụ dân sinh, nâng cao dân trí. Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã góp phần thực hiện, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong xây dựng nông thôn mới; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, đặc biệt là nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được nâng lên rõ rệt.

- Thông qua công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, các cấp, các ngành đã kịp thời giải thích, hướng dẫn để công dân hiểu, tự giác chấp hành cũng như giải quyết theo đúng quy định của pháp luật; không để phát sinh phức tạp, xảy ra “điểm nóng” trên địa bàn.

³⁵ Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 27/02/2018 về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính Nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới; Chỉ thị số 16-CT/TU về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, Chỉ thị số 17-CT/TU về “Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước trên địa bàn tỉnh”, Chỉ thị số 19-CT/TU về “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới”.

- Công tác giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội theo các Quyết định 217, 218-QĐ/TW của Bộ chính trị khóa XI luôn được cấp ủy quan tâm triển khai thực hiện³⁶ gắn với nội dung tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên; gắn với trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng về việc tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân³⁷.

- Việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được giữ vững, tình hình dân tộc, tôn giáo ổn định. Sự gắn bó của cấp ủy đảng và chính quyền các cấp với các tôn giáo và sự tin tưởng, chia sẻ của các tôn giáo với hệ thống chính trị ngày càng được củng cố, nâng lên.

9. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

- Trong nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, đồng thời yêu cầu cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch, văn bản để chỉ đạo cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình để triển khai thực hiện³⁸.

- Đa số các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã chủ động tự kiểm tra, giám sát nội bộ để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa, xử lý vi phạm, trong đó phát huy vai trò giám sát của Ban Thanh tra nhân dân và các tổ chức đoàn thể; tăng cường thanh tra trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện quy định pháp luật phòng, chống tham nhũng³⁹ và định kỳ hàng năm kiểm tra, rà soát các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội, việc thực hiện các kiến nghị của thanh tra, kiểm toán Nhà nước. Qua kiểm tra, giám sát, thanh tra, đã ban hành các kết luận để đánh giá ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân, từ đó yêu cầu các cấp ủy, cơ quan, tổ chức, đơn vị và người đứng đầu khắc phục các tồn tại, hạn chế, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; trong đó chỉ đạo kiểm tra, xử lý lại một số vụ việc, vụ án sai phạm kinh tế, tham nhũng mà trước đây các cấp, các ngành xử lý chưa nghiêm, gây bức xúc trong dư luận để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật⁴⁰.

³⁶ Ban Thường vụ tỉnh ủy đã ban hành các văn bản: Công văn số 3567-CV/TU ngày 07/01/2014 về triển khai thực hiện Quyết định 217-QĐ/TW, Quyết định số 218-QĐ/TW; Quyết định số 1847-QĐ/TU ngày 13/4/2015 Quy định về trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp và cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong việc tiếp thu góp ý theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 16/5/2017 về tăng cường đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trong tình hình mới.

³⁷ MTTQ Việt Nam các huyện, thành phố đã tổ chức giám sát được 332 cuộc, thành lập 118 đoàn tham gia giám sát. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ xã, phường thị trấn đã chủ trì tổ chức giám sát được 257 cuộc với 84 nội dung, đồng thời, phối hợp với HĐND cùng cấp tổ chức giám sát được 480 cuộc trên một số lĩnh vực như thu hồi đất, giải tỏa, đền bù, tái định cư, kết quả thực hiện các chương trình, dự án đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

³⁸ Ban Nội chính tham mưu và triển khai 06 cuộc kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng đối với 06 cấp ủy.

³⁹ Thanh tra tỉnh: 10 cuộc với 10 cơ quan, đơn vị. Các huyện và sở, ban, ngành: 101 cuộc với 101 cơ quan, đơn vị.

⁴⁰ Qua thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước đã phát hiện tại 10 cơ quan, đơn vị còn có các vi phạm trong thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn với số tiền 3.236,56 triệu đồng và đến nay đều đã có kiến nghị thu hồi, chấn chỉnh tồn tại và kiểm điểm trách nhiệm tổ chức, cá nhân vi phạm; 05 trường hợp người đứng đầu bị xem xét trách nhiệm do để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình phụ trách; trong kỳ, trên địa bàn tỉnh đã phát hiện, xử lý 16 vụ/19 trường hợp, trong đó: đã xét xử 05 vụ/05 bị cáo, xử lý kỷ luật 08 vụ/10 trường hợp; đã khởi tố, đang tạm đình chỉ điều tra 01 vụ/02 bị can; đang điều tra bổ sung 02 vụ/02 trường hợp. Tổng giá trị sai phạm tham nhũng 3.832,47 triệu đồng, đã thu hồi 3.693,97 triệu đồng, đạt tỷ lệ 95%.

- Thường xuyên kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng công tác và lựa chọn các cán bộ có uy tín, phẩm chất, năng lực để lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng phòng, chống tham nhũng của tỉnh⁴¹. Đồng thời yêu cầu các cơ quan khối nội chính quan tâm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, rèn luyện phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ, công chức làm việc tại các đơn vị này⁴²; chỉ đạo phối hợp chặt chẽ trong giải quyết các vụ việc, vụ án, nếu gặp khó khăn, vướng mắc hoặc có quan điểm khác nhau thì chủ động báo cáo hoặc tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo xin ý kiến các cơ quan cấp trên.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng, chống tham nhũng, lãng phí được quan tâm quán triệt trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, tổ chức các hội nghị cán bộ chủ chốt để quán triệt các quy định của Đảng và Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí gắn với quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Chỉ thị 05-CT/TW. Đồng thời yêu cầu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có kế hoạch tuyên truyền sâu rộng công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong toàn tỉnh⁴³ và chỉ đạo cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp nghiêm túc tổ chức học tập, quán triệt, thường xuyên quản lý, giáo dục đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức để ngăn ngừa vi phạm⁴⁴.

- Việc phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, cơ quan báo chí và nhân dân trong đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí và khuyến khích, bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đang được triển khai và bước đầu đạt được những kết quả tích cực.

- Đối với việc lãnh đạo, chỉ đạo, xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (tham nhũng vặt), Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp phòng, chống “tham nhũng vặt”⁴⁵. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tập trung thực hiện 04 giải pháp trọng tâm phòng, chống “tham nhũng vặt” qua đó, hầu hết đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức đã nêu cao ý thức trách

⁴¹ Sau khi Ban Nội chính Tỉnh ủy được thành lập, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã điều động cán bộ từ các ngành Công an, Kiểm sát, Thanh tra đến làm việc tại Ban Nội chính Tỉnh ủy, đảm bảo đủ cán bộ có năng lực và phẩm chất đạo đức để thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ theo Quy định số 183-QĐ/TW ngày 08/4/2013 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; trong đó chú trọng việc tham mưu Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo về công tác PCTN. Ngày 20/6/2019, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định số 11-QĐ/TU và Quy định số 14-QĐ/TU về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy và Ban Nội chính Tỉnh ủy.

⁴² Ngày 26/6/2019, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Công văn số 3669-CV/TU về rà soát, chấn chỉnh, xử lý các hành vi tiêu cực, tham nhũng trong các cơ quan, đơn vị có chức năng PCTN.

⁴³ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 55-HD/BTGTU ngày 07/3/2017 và Kế hoạch số 69-KH/BTGTU ngày 15/01/2018 về công tác tuyên truyền PCTN, lãng phí trên phạm vi toàn tỉnh năm 2017, 2018.

⁴⁴ Trong kỳ đã triển khai 190 Hội nghị tuyên truyền, tập huấn về công tác PCTN với 15.656 lượt người tham dự; phát sóng các chương trình về PCTN trên đài phát thanh, truyền hình; lồng ghép tuyên truyền trong các cuộc họp giao ban, sơ kết, tổng kết, sinh hoạt “Ngày pháp luật” và các buổi họp dân... Các trường THPT trên địa bàn tỉnh đưa nội dung PCTN vào chương trình giảng dạy phù hợp với quy định về thời lượng và phân phối theo từng khối lớp học.

⁴⁵ Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 02/3/2018, Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 08/3/2019. UBND tỉnh ban hành, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2876/QĐ- ngày 30/12/2016 về Quy chế quản lý, sử dụng và tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả xử lý thông tin doanh nghiệp phản ánh, kiến nghị qua đường dây nóng, hộp thư điện tử đường dây nóng của tỉnh Lâm Đồng. Theo đó, các doanh nghiệp có thể phản ánh về thái độ giao tiếp ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, các biểu hiện nhiễu, phiền hà, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm giải quyết cũng như kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định, thủ tục hành chính không phù hợp.

nhiệm, giữ gìn đạo đức công vụ, có thái độ, phong cách làm việc chuẩn mực, nghiêm túc trong giải quyết công việc của doanh nghiệp và người dân.

- Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí và thu hồi tài sản tham nhũng được hầu hết các cơ quan, tổ chức, đơn vị quan tâm tăng cường. Đối với một số vụ án kinh tế, tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm hoặc có khó khăn, vướng mắc trong thanh tra, xác minh, điều tra, truy tố, xét xử, thu hồi tài sản tham nhũng, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chủ động yêu cầu các cơ quan chức năng báo cáo kịp thời, giải quyết nghiêm minh, đúng pháp luật⁴⁶.

10. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

- Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, các cấp uỷ, tổ chức đảng trong toàn Đảng bộ đã chú trọng đổi mới về phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc, trong đó tập trung vào việc thực hiện tốt, có hiệu quả nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; nâng cao ý thức, trách nhiệm, tác phong làm việc, phát huy hiệu quả vai trò hạt nhân trong lãnh đạo, điều hành trực tiếp, toàn diện trên các lĩnh vực, nhiệm vụ theo quy định. Đã có nhiều cố gắng trong đổi mới trong xây dựng, ban hành nghị quyết của Đảng và lãnh đạo, chỉ đạo thể chế hóa thành quy chế, quy định, quy trình đối với các nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

- Xác định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của cấp uỷ, ban thường vụ trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; quyền, trách nhiệm của người đứng đầu và mối quan hệ giữa tập thể cấp uỷ, tổ chức đảng với người đứng đầu trong công tác cán bộ.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ trong bộ máy của hệ thống chính trị; tổ chức đảng giới thiệu đảng viên đủ tiêu chuẩn để bổ nhiệm, ứng cử vào các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được thực hiện đúng nguyên tắc, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch.

- Việc đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng được các cấp uỷ chú trọng, giảm bớt các cuộc hội nghị (hoặc tổ chức hội nghị trực tuyến thay cho hội nghị tập trung). Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ đã chủ động phối hợp trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ chung, tăng cường trao đổi trực tiếp, giảm bớt bệnh giấy tờ. Việc nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp đang phát huy được hiệu quả tích cực.

- Công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng cũng có bước đổi mới đáng kể. Hình thức tuyên truyền, phổ biến các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và cấp uỷ cấp trên, của cấp mình được đa dạng hoá hơn. Các báo cáo sơ tổng kết được thể hiện ngắn gọn hơn, dữ liệu và số liệu cập nhật đầy đủ hơn.

⁴⁶ 02 vụ án Lê Thùy Diễm và vụ án Nguyễn Thị Thanh Xuân phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước; Vụ án tại Công ty TNHH Xây dựng - Dịch vụ thương mại V.A.T; Vụ án Trần Thanh Tâm và đồng phạm phạm tội Trốn thuế xảy ra tại Công ty TNHH Tâm Thanh huyện Đức Trọng; Vụ án Thái Khắc Ngộ và đồng phạm phạm tội Cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng xảy ra tại Công ty TNHH MTV XSKT Lâm Đồng; Vụ Nguyễn Thanh Thọ.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính trong Đảng được các cấp ủy tổ chức thực hiện và đạt được một số kết quả nhất định⁴⁷; công tác xây dựng và ban hành văn bản lãnh đạo của Đảng từng bước được chuẩn hóa góp phần cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng vào thực tiễn; các thủ tục hành chính ngày càng đầy đủ, chặt chẽ, được công khai, minh bạch, được rà soát, sửa đổi theo hướng đơn giản hóa, thuận tiện cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và xử lý công việc được đẩy mạnh; đồng thời giảm bớt các cuộc hội nghị, tăng cường đi cơ sở.

II. KẾT QUẢ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Việc hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng

Đã kịp thời quán triệt, nghiên cứu, ban hành các quy định, quy chế, chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng..., đảm bảo phù hợp, đúng quy định; việc chấp hành Điều lệ Đảng được thực hiện nghiêm túc. Công tác tổ chức sơ kết, tổng kết các quy định, hướng dẫn về thi hành Điều lệ Đảng trong nhiệm kỳ vừa qua đã giúp các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên nắm vững hơn những nội dung cơ bản theo quy định; triển khai thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm về công tác xây dựng Đảng. Một số quy định về chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức cơ sở đảng; một số quy định, chỉ thị, kế hoạch về kết nạp đảng viên, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời.

2. Về đảng viên

Về tiêu chuẩn của đảng viên và điều kiện để được xét kết nạp vào Đảng (kể cả kết nạp lại); trách nhiệm của cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trong việc phát triển đảng viên ở những nơi chưa có đảng viên hoặc có đảng viên nhưng chưa đủ điều kiện giới thiệu người vào Đảng; thực hiện các nhiệm vụ của đảng viên; các quyền của đảng viên dự bị; thẩm quyền, thủ tục xem xét, quyết định xóa tên đảng viên trong một số trường hợp cụ thể và giải quyết khiếu nại... đã được Trung ương thường xuyên tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo quy định. Đến thời điểm này là phù hợp, đã và đang góp phần nâng cao chất lượng tổ chức đảng, đảng viên, trong công tác xây dựng Đảng.

3. Về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng

- Trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy luôn quán triệt việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo đi đôi với phân công cá nhân phụ trách. Các nhiệm vụ, vấn đề lớn trong lãnh, chỉ đạo được tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy bàn bạc quyết định, nhất là những vấn đề quan trọng như đề bạt bổ nhiệm cán bộ, sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng cơ bản, kinh tế, tài chính... Qua việc kiểm tra các buổi họp cấp ủy cho thấy, cơ bản các cấp ủy, tổ chức đảng đã phát huy tự phê bình và phê bình trên tinh thần thẳng thắn, xây dựng, bảo đảm sự đoàn kết thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, cơ quan, đơn vị.

Tuy vậy, hiện nay việc tổ chức của Đảng được lập tương ứng với tổ chức hành chính của Nhà nước; tổ chức cơ sở đảng được lập tại đơn vị cơ sở hành chính,

⁴⁷ Hiện nay, toàn Đảng bộ đã thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành qua phần mềm idoc, tiết kiệm được rất nhiều thời gian, giấy tờ, thủ tục.

sự nghiệp, kinh tế hoặc đơn vị công tác; tổ chức đảng được lập ở những nơi có đặc điểm riêng cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung để phù hợp với thực tiễn.

4. Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương

Về cơ bản đang thực hiện tốt. Song cần nghiên cứu thêm để có sự hoàn thiện mô hình Đảng đoàn, Ban cán sự đảng và 02 đảng ủy khối cơ quan và doanh nghiệp, qua đó để triển khai theo hệ thống từ Trung ương tới địa phương.

5. Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở địa phương

Về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực cấp ủy, bí thư cấp ủy; quy chế làm việc và chế độ sinh hoạt của từng cấp, từng tổ chức đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ hiện nay đang thực hiện có hiệu quả, nền nếp, đi vào chiều sâu.

6. Về tổ chức cơ sở đảng

Về cơ bản việc phân chia từng loại hình tổ chức cơ sở đảng theo quy định hiện nay là phù hợp, dễ quản lý, dễ phân công nhiệm vụ và thực hiện việc kiểm tra.

Tuy vậy, số lượng đảng viên tối thiểu để lập chi bộ (03 đảng viên chính thức trở lên) đối với tình hình hiện nay là không còn hợp lý, vì nếu chỉ có 03 đảng viên, chi bộ sẽ thiếu sự bền vững, dễ vi phạm Điều lệ Đảng. Nhiệm kỳ đại hội của chi bộ (5 năm 2 lần) trực thuộc đảng ủy cơ sở hiện nay cũng không còn hợp lý, chưa thống nhất với nhiệm kỳ chung của Đảng.

7. Về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam

Thống nhất với chủ trương Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với Quân đội, Công an; Nhà nước thống nhất quản lý đối với Quân đội, Công an và sự nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định của Hiến pháp và pháp luật; việc thực hiện chỉ định các đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy tham gia đảng ủy quân khu; cơ chế tổ chức đảng quân sự địa phương và công an địa phương cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy địa phương cấp đó, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy quân sự cấp trên và đảng ủy công an cấp trên về nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, công tác quân sự địa phương và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

8. Về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và ủy ban kiểm tra các cấp

Trong nhiệm kỳ qua, ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Đảng, các văn bản hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng và cụ thể tại Quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra, đã triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ toàn diện và có hiệu quả, đảm bảo các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng nói chung và ủy ban kiểm tra nói riêng, phát huy trách nhiệm, quyền hạn, thể hiện rõ vai trò, vị trí của ủy ban kiểm tra, góp phần tích cực vào việc giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng, nâng cao tính chiến đấu và sức lãnh đạo của Đảng, qua đó giúp cho cấp ủy các cấp lãnh đạo thực hiện thành công các nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng đảng của địa phương, đơn vị.

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng trong nhiệm kỳ 2015- 2020 đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Phần lớn cấp ủy thể hiện rõ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và quan tâm thực hiện công tác kiểm tra, giám sát. Ủy ban kiểm tra các cấp

làm tốt công tác tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng, trong đó đặc biệt quan tâm kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm với tinh thần chủ động và quyết liệt. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của Đảng bộ thực sự đóng góp vai trò quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn tổ chức đảng, củng cố niềm tin của nhân dân địa phương.

9. Về khen thưởng, kỷ luật

- Thẩm quyền, các hình thức khen thưởng; tiêu chuẩn, đối tượng và thủ tục khen thưởng; giá trị tặng phẩm kèm theo các hình thức khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên như hiện nay là phù hợp.

- Tình hình thi hành kỷ luật và việc chấp hành kỷ luật đảng; các hình thức kỷ luật tổ chức đảng; kỷ luật đảng viên cơ bản là phù hợp. Tuy vậy, việc thi hành kỷ luật đối với đảng viên giữ chức vụ và đảng viên không giữ chức vụ có cùng mức độ, hành vi vi phạm cần nghiên cứu thêm (nên có chế tài tăng nặng theo vị trí, chức năng, nhiệm vụ), đồng thời phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa kỷ luật đảng và kỷ luật nhà nước.

10. Đảng lãnh đạo Nhà nước, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội

Nhìn chung, các tổ chức đảng trong cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội lãnh đạo cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng thành văn bản pháp luật của Nhà nước, văn bản của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cơ bản thực hiện tốt. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều cấp ủy trong công tác lãnh đạo, cụ thể hóa còn nặng về nhiệm vụ chuyên môn; mô hình tổ chức và mối quan hệ của đảng đoàn, ban cán sự đảng với cấp ủy đảng trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở tỉnh có lúc, có thời điểm có biểu hiện hình thức.

11. Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Hiện nay, việc cấp ủy đảng lãnh đạo trực tiếp tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng cấp về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ là đúng và cần thiết. Tuy nhiên, tính chủ động trong việc rèn luyện, đào tạo đoàn viên phấn đấu trở thành đảng viên, nhất là khu vực xã, phường, thị trấn; trong công tác tham mưu xây dựng Đảng còn một số hạn chế nhất định.

12. Về tài chính của Đảng

Công tác quản lý tài chính Đảng được thực hiện thống nhất từ cấp tỉnh đến cơ sở, các cấp ủy đã phát huy được vai trò trách nhiệm của mình, tự chủ trong quản lý tài chính, tài sản của cấp mình; đồng thời luôn nhận được sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp ủy cấp trên trực tiếp. Quá trình điều hành ngân sách luôn bám sát yêu cầu nhiệm vụ của cấp ủy, bám sát tiêu chuẩn, chế độ, định mức theo quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chi thường xuyên cũng như các nhiệm vụ phát sinh; các cấp ủy đảng chủ động ban hành, bổ sung các quy định, hướng dẫn quản lý sử dụng kinh phí công khai, dân chủ nhằm đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quản lý tài chính, tài sản Đảng.

Công tác quản lý, sử dụng tài sản Đảng ngày càng đi vào nề nếp, hiệu quả hơn, chất lượng hơn, tuân thủ theo các quy định của Đảng và Nhà nước. Việc triển

khai mua sắm hoặc sửa chữa lớn tài sản được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đấu thầu và mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên còn tồn tại trong thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 30-5-2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*về ban hành Quy định chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở*”. Một số đơn vị ngành dọc chưa thực hiện nghiêm túc (*chưa lập dự toán rõ ràng, cụ thể*) nên các cấp ủy tại đơn vị không được cấp kinh phí chi hoạt động của tổ chức cơ sở đảng; một số tổ chức cơ sở đảng mặc dù có lập dự toán mua báo, tạp chí của Đảng, song chưa nghiêm túc thực hiện.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG, NGUYÊN NHÂN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Ưu điểm và kết quả nổi bật

- Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng có nhiều chuyển biến; nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng lên; công tác định hướng tư tưởng và dư luận xã hội có đổi mới. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đạt được nhiều kết quả thiết thực, đã xuất hiện nhiều tấm gương tập thể, cá nhân tiêu biểu được biểu dương và nhân rộng.

- Công tác xây dựng, chính đốn Đảng đạt được kết quả tương đối tốt; các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở đã thể hiện tinh thần đoàn kết thống nhất, thực hiện tốt nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị; đặc biệt là đã triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW một cách nghiêm túc, rút ra được nhiều bài học xuyên suốt trong xây dựng Đảng; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa đã được ngăn chặn, có tác dụng cảnh báo, răn đe, giáo dục đảng viên.

- Việc đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng được chú trọng thực hiện; công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng, phát triển đảng viên được các cấp ủy đảng quan tâm, chú trọng; quy chế hoạt động, quy chế phối hợp của cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng được xây dựng, điều chỉnh, bổ sung kịp thời; chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ có chuyển biến tích cực; việc kiện toàn, sắp xếp các mô hình tổ chức đảng được thực hiện theo quy định. Công tác đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên hằng năm thực chất hơn; bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, tính tiên phong gương mẫu, ý thức tổ chức kỷ luật của cán bộ, đảng viên ngày càng được nâng lên.

- Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từng bước được thực hiện vững chắc, hiệu quả hơn, tinh thần thái độ, trách nhiệm làm việc được nâng cao, không nẩy sinh tư tưởng; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ đảm bảo đúng quy trình, đã chú ý đến đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số; công tác điều động, luân chuyển cán bộ lãnh đạo quản lý chuyển biến tích cực; việc bố trí, sử dụng cán bộ cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; từng bước khắc phục được tình trạng hụt hẫng, chấp vá cán bộ. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được coi trọng, tích cực rà soát, thẩm tra, xác minh và thẩm

định tiêu chuẩn chính trị từ khâu quy hoạch, đào tạo đến sử dụng cán bộ cũng như công tác phát triển đảng viên cơ bản đáp ứng yêu cầu.

- Xây dựng chính quyền các cấp được thực hiện theo hướng chính quyền liên chính, đổi mới, hành động, phục vụ nhân dân. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ được nâng lên. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, nhất là trong công tác giám sát, phản biện xã hội được phát huy.

- Công tác phòng, chống tham nhũng được quan tâm chỉ đạo thực hiện quyết liệt, với phương châm là không có vùng cấm, không ngoại lệ, vì vậy tình trạng tham nhũng, những nhiễu đã giảm đáng kể.

- Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng được thực hiện tốt; kỷ luật, kỷ cương của Đảng được giữ vững, tạo chuyển biến quan trọng về công tác phòng ngừa, ngăn chặn sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” vi phạm pháp luật của cán bộ, đảng viên, trong nội bộ. Các cấp ủy đảng và ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện có kết quả việc kiểm tra, giám sát theo Điều lệ Đảng đối với các cơ quan, đơn vị và đảng viên, việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện chức trách nhiệm vụ, những điều đảng viên không được làm, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị.

- Công tác dân vận được quan tâm và có nhiều đổi mới đã góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Về thi hành Điều lệ Đảng, đã kịp thời quán triệt, nghiên cứu, ban hành các quy định, quy chế..., đảm bảo phù hợp, đúng quy định; việc chấp hành Điều lệ Đảng được thực hiện nghiêm túc.

2. Hạn chế, khuyết điểm

- Việc nắm bắt tình hình tư tưởng và diễn biến tư tưởng trong cán bộ, đảng viên có lúc, có nơi chưa kịp thời; công tác nghiên cứu lý luận chưa được quan tâm đúng mức, chưa phát hiện và giải đáp được nhiều vấn đề do thực tiễn của tình đang đặt ra. Việc nghiên cứu và vận dụng lý luận trong thực tiễn chưa sáng tạo nên hiệu quả thấp; công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chuẩn bị các phương án, biện pháp đấu tranh, phản bác có hiệu quả với các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, phản tử cơ hội, chống phá Đảng, Nhà nước... có lúc, có nơi còn bị động; chưa có nhiều phương án khả thi trong đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái.

- Tổ chức cơ sở đảng cơ bản đã hoàn thành nhiệm vụ, nhưng chưa thực sự mạnh, còn lúng túng trong việc giáo dục chính trị tư tưởng, bảo vệ chính trị nội bộ, trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quy định của Đảng có lúc còn chậm; vai trò tiên phong, gương mẫu của một bộ phận đảng viên còn hạn chế; chất lượng sinh hoạt chi bộ ở một số loại hình chưa cao.

- Tổ chức học tập, quán triệt, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII và Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ở một số nơi sự chuyển biến chưa đồng đều; một số nơi

thực hiện còn qua loa, chưa được quan tâm đúng mức; công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng và công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng còn hạn chế.

- Thực hiện tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại một số cơ quan, đơn vị còn chậm, lúng túng, chưa đồng bộ.

- Quy định về tổ chức đảng còn bất cập, chưa thống nhất với Điều lệ Đảng.

- Việc chấp hành Điều lệ Đảng, các văn bản hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng có lúc, có nơi chưa nghiêm.

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan: Tình hình an ninh, chính trị trên thế giới, khu vực và trong nước còn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây nguy cơ mất ổn định; một số tổ chức, đối tượng cơ hội chính trị, bất mãn với Đảng và Nhà nước thường xuyên móc nối với các thế lực thù địch bên ngoài, nhằm lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, những khó khăn, hạn chế... của đất nước, địa phương để bịa đặt, xuyên tạc, thực hiện âm mưu “Diễn biến hoà bình”.

- Nguyên nhân chủ quan: Công tác tuyên truyền thiếu sắc bén, có lúc chưa kịp thời, tính chiến đấu chưa cao; một số cấp ủy, tổ chức đảng còn trì trệ, chưa có quyết tâm cao trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, trong đó có cả cán bộ chủ chốt còn hạn chế; tình trạng tham nhũng, lãng phí và sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được ngăn chặn kịp thời đã làm hạn chế, tác động đến công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ.

4. Bài học kinh nghiệm

Một là, luôn coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên. Bám sát Cương lĩnh, Điều lệ và các nghị quyết của Đảng, nhất là những nhiệm vụ trọng tâm về công tác xây dựng Đảng; nắm chắc tình hình và chủ động tham mưu, đề xuất, cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương và Điều lệ Đảng để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện cho phù hợp với thực tế.

Hai là, tích cực trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả; có tư duy đổi mới, sáng tạo, cách tiếp cận khoa học, phù hợp; mạnh dạn tổ chức thực hiện với bước đi chắc chắn, không chủ quan, nóng vội; kết hợp chặt chẽ, đồng bộ, toàn diện các mặt của công tác xây dựng Đảng.

Ba là, phải coi trọng công tác nghiên cứu, cụ thể hóa Điều lệ Đảng bảo đảm tính toàn diện, đồng bộ, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc từ thực tiễn công tác xây dựng Đảng. Trong tổ chức thi hành cần phải giữ đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm Điều lệ Đảng.

Bốn là, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng; thường xuyên bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế, hướng dẫn sát với tình hình thực tiễn.

Năm là, kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng thành các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước để triển khai thực hiện bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, liên thông giữa quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Sáu là, thường xuyên quan tâm quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; củng cố, tăng cường niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Bảy là, giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong các cấp ủy đảng, trước hết là trong ban thường vụ, ban chấp hành, gắn với xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy vai trò và sức mạnh của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội trong thực hiện nhiệm vụ chính trị và trong xây dựng Đảng, chính quyền, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Phần thứ hai **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP** **CỦA CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

I. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Phương hướng

- Trước hết, cần quán triệt sâu sắc chủ trương của Đảng về công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, vừa cấp bách, vừa có tính chiến lược lâu dài; qua đó, tạo sự thống nhất cao trong Đảng, sự đồng thuận xã hội.

- Kiên định chủ nghĩa Mác- Lênin tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng. Thực hiện tốt vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với Nhà nước và xã hội; tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, quán triệt xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt; tích cực đổi mới phương thức lãnh đạo, tạo chuyển biến mạnh mẽ, rõ nét trong xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên. Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; củng cố và nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng; thực hiện thắng lợi mục tiêu đưa Lâm Đồng phát triển nhanh và bền vững.

2. Nhiệm vụ, giải pháp công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2020 - 2025

- Tiếp tục tập trung nhiều hơn cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đảng viên; cải tiến việc ban hành các chỉ thị, nghị quyết, tăng cường bám sát cơ sở; xác định rõ về quyền hạn, trách nhiệm, phát huy vai trò, tính chủ động của người đứng đầu và mối quan hệ với tập thể cấp ủy, tổ chức đảng, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ. Đẩy mạnh việc phân cấp, ủy quyền, gắn với đề cao trách nhiệm, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo, quản lý thống nhất của cấp ủy đảng cấp trên; không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan đảng song song với cải cách hành chính của các cơ quan khối chính quyền.

- Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) “*về tăng cường bảo vệ nền*

tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới” trong toàn Đảng bộ, xem đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng để thực hiện. Phát huy tốt vai trò của tổ chức cơ sở đảng trong giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, kiểm tra giám sát, kỷ luật Đảng từ cơ sở.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị; cần quyết tâm hơn nữa để ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đồng thời, phát huy tính tiên phong gương mẫu, vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, trước hết là các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ các cấp.

- Thực hiện nghiêm túc việc sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI, đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các ban xây dựng Đảng các cấp; bám sát cơ sở, với phương châm “Tỉnh bám xã, huyện bám thôn, xã bám dân”.

- Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đảm bảo đồng bộ, toàn diện, kiên quyết, kiên trì, nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nội bộ đối với công tác phòng, chống tham nhũng; khắc phục tình trạng tham nhũng vặt và những nhiễu của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Làm tốt công tác tự kiểm tra, giám sát và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát.

- Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả và tính chuyên nghiệp trong công tác điều hành của chính quyền các cấp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải thiện chỉ số cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử. Đổi mới công tác dân vận của hệ thống chính trị; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Nhiệm vụ trọng tâm:

(1) Tiếp tục đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

(2) Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng trong từng loại hình và nâng cao chất lượng đảng viên; phát huy vai trò hạt nhân chính trị của tổ chức cơ sở đảng.

Giải pháp đột phá:

(1) Nâng cao năng lực, vai trò, vị trí của tổ chức đảng, trách nhiệm đảng viên để tổ chức đảng thực sự là hạt nhân chính trị, trực tiếp lãnh đạo, quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, liêm chính, năng động, sáng tạo, tiên phong gương mẫu, gần dân, hết lòng vì nhân dân.

(2) Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

II. NGUYÊN TẮC VÀ NHỮNG NỘI DUNG CẦN NGHIÊN CỨU, ĐỀ XUẤT BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Từ thực tiễn việc thi hành Điều lệ Đảng và nguyên tắc bổ sung, sửa đổi nêu trên, bước đầu Tỉnh ủy Lâm Đồng có một số nội dung đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng như sau:

1. Phần mở đầu

Về mục đích của Đảng (khổ 3): Điều lệ Đảng hiện hành quy định *“Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không còn người bóc lột người, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản”*.

Đề nghị bổ sung nội dung để phù hợp với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và diễn đạt đầy đủ như sau: *“Mục đích của Đảng là không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không còn người bóc lột người, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản”*.

2. Đảng viên

- Đề nghị bổ sung nội dung về phát triển đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn và Đảng trong quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng.

- Đề nghị bổ sung thêm nhiệm vụ của đảng viên (khoản 2, Điều 2, Điều lệ Đảng) nội dung: *“tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”*.

3. Tổ chức cơ sở đảng

- Đề nghị bổ sung thêm nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng (Điều 23, Điều lệ Đảng) nội dung: *“Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”*.

- Về nhiệm kỳ đại hội của chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở nên quy định thống nhất nhiệm kỳ 05 năm/lần.

- Số lượng đảng viên tối thiểu thành lập chi bộ từ 05 đảng viên chính thức trở lên.

- Trong chế độ sinh hoạt chi bộ, nên nghiên cứu đối với loại hình giáo dục (đơn vị sự nghiệp) vì có thời gian nghỉ hè; loại hình đơn vị kinh tế tư nhân (đối với doanh nghiệp làm theo ca; thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, xây dựng... phân tán, xa trụ sở làm việc); hoặc các đơn vị hoạt động có tính chất lưu động (như đoàn ca múa nhạc, chiếu bóng...).

4. Ủy ban kiểm tra các cấp

- Về cơ chế bầu cử ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra các cấp đề nghị Trung ương nghiên cứu, xem xét cho thí điểm ủy ban kiểm tra các cấp do đại

hội đảng cùng cấp bầu, nhằm nâng cao tính độc lập và thẩm quyền, trách nhiệm cho ủy ban kiểm tra các cấp trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn.

- *Về thẩm quyền, trách nhiệm của ủy ban kiểm tra các cấp*, đề xuất Trung ương nghiên cứu bổ sung về nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong việc kê khai tài sản cho ủy ban kiểm tra các cấp để phù hợp với các quy định hiện hành của Bộ Chính trị và tình hình thực tế hiện nay.

- *Về tổ chức bộ máy của cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp*, nên có quy định cụ thể về tổ chức bộ máy của cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp, nhằm tạo sự thống nhất trong toàn ngành, đồng thời phân biệt giữa hoạt động của cơ quan ủy ban kiểm tra với hoạt động của ủy ban kiểm tra; cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp nên có con dấu riêng.

5. Khen thưởng, kỷ luật

- Đề nghị bổ sung, đảm bảo thống nhất về xử lý kỷ luật của Đảng và xử lý kỷ luật của Nhà nước đối với trường hợp đảng viên nữ là cán bộ, công chức, viên chức sau thời gian mang thai, thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

6. Về nội dung khác

Việc lập hồ sơ chính trị hiện nay đối với cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật phải xử lý hình sự, vi phạm Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Quy định về những điều đảng viên không được làm, đảng viên xin ra khỏi Đảng, đảng viên bỏ sinh hoạt đảng... đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Đề nghị Trung ương sớm hướng dẫn cụ thể về mức độ vi phạm, đối tượng quản lý, lưu trữ hồ sơ để thống nhất thực hiện. 2/PT

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương (báo cáo),
- Ban Tổ chức Trung ương (báo cáo),
- Vụ III, BTC Trung ương (báo cáo),
- Vụ VII, UBKT Trung ương (báo cáo),
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Các sở, ban, ngành của tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XD1.

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**



Trần Đức Quận

THỐNG KÊ ĐẢNG BỘ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ

Biểu số 1

STT	Loại hình	Số lượng đảng bộ		
		01/01/2016	30/6/2019	30/9/2020*
1	Quận			
2	Huyện	10	10	10
3	Thị xã			
4	Thành phố trực thuộc tỉnh	2	2	2
5	Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh	1	1	
6	Đảng bộ Khối doanh nghiệp tỉnh	1	1	
7	Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh			1
8	Quân sự	1	1	1
9	Biên phòng			
10	Công an	1	1	1
11	Đảng bộ khác			
	Tổng cộng	16	16	15

- (*) Đề nghị báo cáo số liệu này về Tiểu ban trước ngày 15/10/2020 để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII
- Đảng bộ khác: ghi rõ tên đảng bộ

THỐNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG Ở CƠ SỞ VÀ ĐẢNG VIÊN

Biểu số 2

Biểu số 2

LOẠI CƠ SỞ	Số đơn vị hành chính, tổ chức, cơ quan, đơn vị		Số tổ chức cơ sở đảng				Tổ chức đảng trong cơ sở		Tổng số đảng viên
	Số lượng	Trong đó chưa có TCCSD	Tổng số	Đảng bộ mà đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở	Chia ra		Đảng bộ bộ phận	Chi bộ trực thuộc	
					Đảng bộ cơ sở	Chi bộ cơ sở			
1	2	3	4(=5+6+7)	5	6	7	8	9	10
01/01/2016									
1- Xã	117		117		117			1.562	13.827
2- Phường	18		18		18			439	6.225
3- Thị trấn	12		12		12			363	4.418
4- Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CTXH	24		75		24	51		196	1.600
5- Cơ quan Nhà nước	22		82		22	60		200	3.270
6- Đơn vị sự nghiệp, gồm:	228	25	203		27	176		179	3.904
a) Công lập	228	25	203		27	176		179	3.904
b) Ngoài công lập									
7- Quân đội	19		19		19			80	892
8- Công an	51		51		24	27		160	2.422
9- Doanh nghiệp và hợp tác xã	803	781	114		20	94	4	166	2.729
a) Doanh nghiệp có vốn Nhà nước	89	4	85		19	66	4	143	2.194
Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	60	3	56		12	44	4	108	1.674
Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	29	1	29		7	22		35	520
Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ									
b) Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước	714	777	29		1	28		23	535
- Công ty cổ phần	79	58	18		1	17		23	403
- Doanh nghiệp tư nhân	246	247							
- Công ty trách nhiệm hữu hạn	378	461	8			8			97
- Công ty hợp danh									
- Công ty liên doanh	11	11	3			3			35
Trong đó: 100% vốn đầu tư nước ngoài	9	6	3			3			35
c) Hợp tác xã									
10- Tổ chức cơ sở Đảng ở ngoài nước									
11- Cơ sở khác*									
Cộng (1 + + 11)	1.522	831	691		283	408	4	3.345	39.287
30/6/2019									
1- Xã	116		116		116			1.608	16.050
2- Phường	18		18		18			439	7.783

3- Thị trấn	13		13		13			357	5.558
4- Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CTXH	49		49		8	41		53	1.062
5- Cơ quan Nhà nước	196		196		23	173	2	185	3.922
6- Đơn vị sự nghiệp, gồm:	176		176		30	146		185	4.342
a) Công lập	175		175		29	146		180	4.266
b) Ngoài công lập	1		1		1			5	76
7- Quân đội	18		18		18			73	782
8- Công an	39		39		26	13		194	2.829
9- Doanh nghiệp và hợp tác xã	124		124		25	99		157	2.849
a) Doanh nghiệp có vốn Nhà nước	62		62		18	44		127	2.009
Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	35		35		8	27		87	1.306
Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	19		19		6	13		20	472
Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	8		8		4	4		20	231
b) Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước	62		62		7	55		30	840
- Công ty cổ phần	44		44		7	37		30	582
- Doanh nghiệp tư nhân	1		1			1			21
- Công ty trách nhiệm hữu hạn	15		15			15			220
- Công ty hợp danh									
- Công ty liên doanh	2		2			2			17
Trong đó: 100% vốn đầu tư nước ngoài	2		2			2			17
c) Hợp tác xã									
10- Tổ chức cơ sở Đảng ở ngoài nước									
11- Cơ sở khác*									
Cộng (1 ++ 11)	749		749		277	472	2	3.251	45.177

THỐNG KÊ BÍ THƯ CẤP ỦY CƠ SỞ ĐỒNG THỜI LÀ THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Biểu số 3

STT	Loại hình cơ sở	Nhiệm kỳ 2010-2015			Nhiệm kỳ 2015-2020		
		Số tổ chức cơ sở đảng	Bí thư là thủ trưởng CQ, ĐV		Số tổ chức cơ sở đảng	Bí thư là thủ trưởng CQ, ĐV	
			Số lượng	%		Số lượng	%
1	Cơ quan hành chính	183	158	86%	245	220	90%
2	Đơn vị sự nghiệp	164	160	98%	176	152	86%
3	DN Nhà nước	85	54	64%	62	54	87%
4	DN ngoài Nhà nước	32	18	56%	62	22	35%
5	Loại hình khác	162	99	61%	57	108	189%

**THỐNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ
 VIỆC BỐ TRÍ KIỂM NHIỆM CÁN BỘ Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

Biểu số 4

TT	Tiêu chí	Thời điểm		
		01/01/2016	30/6/2019	30/9/2020*
1	Số thôn, tổ dân phố	1.551	1.541	
	Trong đó: Số chưa có đảng viên			
	Số chưa có tổ chức đảng	8		
	Số chi bộ sinh hoạt ghép	8		
2	Bí thư chi bộ	1.551	1.541	0
	Trong đó:			
	Số kiêm trưởng thôn, tổ trưởng TDP	59	90	0
	Số kiêm trưởng ban công tác Mặt trận	219	397	0
	Số kiêm cả trưởng thôn, tổ trưởng TDP và trưởng ban công tác Mặt trận	0	0	0
3	Trưởng thôn, tổ trưởng TDP	1.551	1.541	0
	Trong đó: Số chưa là đảng viên	519	551	0

(*) Đề nghị báo cáo số liệu này về Tiểu ban trước ngày 15/10/2020 để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII

THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm		
		01/01/2016	30/6/2019	30/9/2020*
1	Số lượng	39.287	45.177	
	Trong đó: Nữ	13.644	16.552	
	Dự bị	2.668	2.068	
	Dân tộc thiểu số	3.992	4.726	
	Tôn giáo	3.410	4.461	
	Đoàn viên ĐTNCSHCM	8.632	9.962	
	Công nhân	1.797	994	
	Nông dân	6.867	7.637	
	Trí thức	17.314	27.710	
	Chủ doanh nghiệp tư nhân	1	4	
	Trong DN ngoài KV Nhà nước	357	840	
	Quân nhân xuất ngũ	5.135	6.142	
	Có quốc tịch nước ngoài (nếu có)			
	Có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài			
	Không sinh hoạt thường xuyên do làm ăn xa			
	Được miễn công tác và sinh hoạt đảng	1.279	1.821	
2	Tuổi đời	39.287	45.177	
	18 đến 30 tuổi	7.511	7.653	
	31 đến 40 tuổi	10.728	13.857	
	41 đến 50 tuổi	9.253	10.432	
	51 đến 60 tuổi	7.484	8.723	
	61 tuổi trở lên	4.311	4.512	
	Tuổi bình quân	42.76	42.72	
3	Trình độ học vấn	39.287	45.177	
	Biết chữ Quốc ngữ	51	27	
	Tiểu học	846	786	
	Trung học cơ sở	5.609	5.741	
	Trung học phổ thông	32.781	38.623	
4	Trình độ chuyên môn	39.287	45.177	
	Công nhân kỹ thuật, nhân viên, chưa qua đào tạo	13.685	4.995	
	Trung cấp	8.288	12.472	
	Cao đẳng	3.968	9.004	
	Đại học	12.518	17.400	
	Thạc sỹ	736	1.172	
	Tiến sỹ	92	134	
5	Trình độ lý luận chính trị	39.287	45.177	
	Sơ cấp, chưa qua đào tạo	30.728	32.995	
	Trung cấp	6.650	9.838	
	Cao cấp, cử nhân	1.909	2.344	

(*) Đề nghị báo cáo số liệu này về Tiểu ban trước ngày 15/10/2020 để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII

THỐNG KÊ ĐẢNG VIÊN MỚI KẾT NẠP

Biểu số 6

TT	Chi tiêu	Thời điểm		
		01/01/2011-31/12/2015	01/01/2016-30/6/2019	01/7/2019-30/9/2020*
1	Số lượng	10.025	8.739	
	Trong đó:	0	0	
-	Kết nạp lại	4	4	
-	Phụ nữ	4.467	4.112	
-	Dân tộc thiểu số	1.239	1.249	
-	Tôn giáo	1.231	1.207	
-	Cán bộ, công chức	2.444	1.948	
-	Nông dân	2.320	1.858	
-	Công dân thường trú ở khu phố	10.025	8.739	
-	Công nhân:	0	0	
	+ Trong doanh nghiệp Nhà nước	569	638	
	+ Trong doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước	329	375	
-	Người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập	3.200	3.009	
-	Sỹ quan, chiến sỹ QĐND	457	433	
-	Sỹ quan, chiến sỹ CAND	581	584	
-	Sinh viên, học sinh	125	99	
2	Nguồn giới thiệu	10.025	8.739	
	Do ĐTNCSHCM giới thiệu	5.626	5.214	
	Do Công đoàn giới thiệu	4.399	3.525	
3	Tuổi đời	10.025	8.739	
	Từ 18 - 30	5.423	4.879	
	Từ 31 - 40	3.388	3.143	
	Từ 41 - 50	1.028	611	
	Từ 51 tuổi trở lên	186	106	
	Tuổi bình quân	0.00	0.00	
4	Trình độ học vấn	10.025	8.739	
	Biết đọc, biết viết	1	1	
	Tiểu học	21	23	

	Trung học cơ sở	808	465	
	Trung học phổ thông	9.195	8.250	
5	Trình độ chuyên môn	10.025	8.739	
	Sơ cấp	2.826	1.575	
	Trung cấp	1.928	1.700	
	Cao đẳng	1.159	1.277	
	Đại học	3.942	4.007	
	Thạc sỹ	159	170	
	Tiến sỹ	11	10	

() Đề nghị báo cáo số liệu này về Tiểu ban trước ngày 15/10/2020 để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII*

SO SÁNH CẤP ỦY TỈNH, THÀNH PHỐ VÀ ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
Nhiệm kỳ 2010-2015 và Nhiệm kỳ 2015-2020

Biểu số 7

Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành		Ủy viên BTV		Bí thư	
	2010-2015	2015-2020	2010-2015	2015-2020	2010-2015	2015-2020
TỔNG SỐ	55	54	15	14	1	1
Trong đó: - Dân tộc thiểu số	2	1		1		
- Tôn giáo						
- Nữ	8	10	2	2		
- Tái cử	28	24	6	7		
- Xuất thân là công nhân						
- Bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND	1					
- Cán bộ không là người địa phương						
1. Tuổi đời	55	54	15	14	0	0
- Từ 18 - 30 tuổi						
- Từ 31 - 35 tuổi	1	1				
- Từ 36 - 40 tuổi	2	4				
- Từ 41 - 45 tuổi	3	2		1		
- Từ 46 - 50 tuổi	17	19	3	5		
- Từ 51 - 55 tuổi	24	19	7	5		
- Trên 55 tuổi	8	9	5	3		
<i>Tuổi bình quân</i>	<i>50.2</i>	<i>49.7</i>	<i>53.4</i>	<i>50.12</i>		
2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	55	54	15	14	0	0
- Sơ cấp	1		1			
- Trung cấp						
- Cao đẳng						
- Đại học	47	31	10	9		
- Thạc sĩ	6	21	4	5		
- Tiến sĩ	1	2				
3. Chức danh khoa học						
- Phó giáo sư						
- Giáo sư						
4. Trình độ lý luận chính trị	55	54	15	14	0	0
- Sơ cấp						
- Trung cấp	1		1			
- Cao cấp, cử nhân	54	54	14	14		
5. Trình độ quản lý nhà nước theo ngạch	55	54	15	14	0	0
- Chuyên viên (tương đương)	7		1			
- Chuyên viên chính (tương đương)	43	47	9	7		
- Chuyên viên cao cấp (tương đương)	5	7	5	7		

SO SÁNH CẤP ỦY CẤP HUYỆN (TƯƠNG ĐƯƠNG) TRỰC THUỘC CẤP TỈNH
Nhiệm kỳ 2010-2015 và Nhiệm kỳ 2015-2020

Biểu số 8

Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành		Ủy viên BTV		Bí thư	
	2010-2015	2015-2020	2010-2015	2015-2020	2010-2015	2015-2020
TỔNG SỐ	604	679	183	202	15	15
Trong đó: - Dân tộc thiểu số	44	41	9	9	1	0
- Tôn giáo	15	15	2	2	0	0
- Nữ	73	61	10	14	1	0
- Tái cử	244	225	62	63	5	3
- Xuất thân là công nhân	3	0	0	0	0	0
- Bí thư đồng thời là chủ tịch UBND	0	0	0	0	0	1
- Bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND	6	6	7	5	8	7
- Cán bộ không là người địa phương	169	164	72	51	7	7
Phân tích tổng số:						
1. Tuổi đời	604	682	183	202	15	15
- Từ 18 - 30 tuổi	4	4	0	0	0	0
- Từ 31 - 35 tuổi	45	38	5	1	0	0
- Từ 36 - 40 tuổi	86	87	11	21	1	1
- Từ 41 - 45 tuổi	135	215	39	56	1	0
- Từ 46 - 50 tuổi	168	127	50	45	3	4
- Từ 51 - 55 tuổi	112	146	58	54	4	3
- Trên 55 tuổi	54	65	20	25	6	7
- Tuổi bình quân						
2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	604	718	183	202	15	15
- Sơ cấp	12	1	1	0	1	0
- Trung cấp	49	22	8	1	1	0
- Cao đẳng	15	107	3	29	0	0
- Đại học	486	473	147	28	11	12
- Thạc sĩ	30	106	22	142	1	2
- Tiến sĩ	12	9	2	2	1	1
3. Chức danh khoa học	0	0	0	0	0	0
- Phó giáo sư	0	0	0	0	0	0
- Giáo sư	0	0	0	0	0	0
4. Trình độ lý luận chính trị	604	679	183	202	15	15
- Sơ cấp	76	96	14	11	1	1
- Trung cấp	114	120	18	46	0	0
- Cao cấp, cử nhân	414	463	151	145	14	14
5. Trình độ quản lý nhà nước theo ngạch	604	679	183	202	15	15
- Chuyên viên (tương đương)	399	357	83	106	1	1
- Chuyên viên chính (tương đương)	204	322	100	95	14	13
- Chuyên viên cao cấp (tương đương)	1	0	0	1	0	1

SƠ SÁNH CẤP ỦY CƠ SỞ
Nhiệm kỳ 2010-2015 và Nhiệm kỳ 2015-2020

Biểu số 9

Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành		Ủy viên BTV		Bí thư	
	2010-2015	2015-2020	2010-2015	2015-2020	2010-2015	2015-2020
TỔNG SỐ	2998	3353	630	913	691	749
Trong đó: - Dân tộc thiểu số	435	398	104	114	37	29
- Tôn giáo	220	206	37	45	9	5
- Nữ	342	439	20	32	11	26
- Tái cử	1446	1448	219	322	146	138
- Xuất thân là công nhân	45	48	5	12	9	11
- Bí thư đồng thời là chủ tịch UBND	4	9	4	8	7	11
- Bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND	65	55	59	51	89	64
- Cán bộ không là người địa phương	43	44	21	20	16	18
Phân tích tổng số :						
1. Tuổi đời	2998	3353	630	913	691	749
- Từ 18 - 30 tuổi	167	195	4	11	0	0
- Từ 31 - 35 tuổi	373	405	33	36	57	92
- Từ 36 - 40 tuổi	409	609	89	87	80	117
- Từ 41 - 45 tuổi	511	658	132	138	158	163
- Từ 46 - 50 tuổi	729	627	162	296	162	173
- Từ 51 - 55 tuổi	520	567	129	268	156	136
- Trên 55 tuổi	289	292	81	77	78	68
- Tuổi bình quân						
2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	2998	3353	630	913	691	749
- Sơ cấp	235	98	42	9	7	2
- Trung cấp	797	804	241	181	182	36
- Cao đẳng	466	219	55	310	117	259
- Đại học	1416	2073	276	382	378	416
- Thạc sỹ	76	146	12	26	7	34
- Tiến sỹ	8	13	4	5	0	2
3. Chức danh khoa học	3	3	0	0	0	0
- Phó giáo sư	3	3	0	0	0	0
- Giáo sư	0	0	0	0	0	0
4. Trình độ lý luận chính trị	2998	3353	630	913	691	749
- Sơ cấp	982	509	94	309	298	142
- Trung cấp	1649	2353	429	405	258	395
- Cao cấp, cử nhân	367	491	107	199	135	212

THÔNG KÊ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ
Nhiệm kỳ 2010- 2015

Biểu số 10a

TT	Chương trình, hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng						Số lớp đào tạo, bồi dưỡng		
		Tổng số	Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp cơ sở	Tổng số lớp	Cấp ủy trực thuộc Trung ương mở	Cấp ủy cấp trên cơ sở mở
			Tổng số	Trong đó: Số cán bộ lãnh đạo, quản lý	Tổng số	Trong đó: Số cán bộ lãnh đạo, quản lý				
1	2	3=4+6+8	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11
I	Đào tạo	5507	0	0	3383	84	2124	10	0	9
1	Đào tạo chuyên môn	1033	0	0	753	285	280	0	0	0
Chia ra	- Đại học	474	0	0	232	41	242	0	0	0
	+ Đào tạo trong nước	434	0	0	192	41	242	0	0	0
	+ Đào tạo ngoài nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	+ Đào tạo liên kết	40	0	0	40	0	0	0	0	0
	- Thạc sỹ (tương đương)	516	0	0	488	221	28	0	0	0
	+ Đào tạo trong nước	440	0	0	418	218	22	0	0	0
	+ Đào tạo ngoài nước	10	0	0	4	3	6	0	0	0
	+ Đào tạo liên kết	66	0	0	66	0	0	0	0	0
	- Tiến sỹ (tương đương)	43	0	0	33	23	10	0	0	0
	+ Đào tạo trong nước	33	0	0	30	20	3	0	0	0
	+ Đào tạo ngoài nước	9	0	0	2	2	7	0	0	0
	+ Đào tạo liên kết	1	0	0	1	1	0	0	0	0
2	Đào tạo chính trị	4474	0	0	2630	457	1844	10	0	9
Chia ra	- Trung cấp LLCT	4000	0	0	2190	396	1810	10	0	9
	+ Hệ tập trung	996	0	0	586	90	410	0	0	0
	+ Hệ không tập trung	3004	0	0	1604	537	1400	10	0	9
	- Cao cấp LLCT	474	0	0	440	231	34	0	0	0
	+ Hệ tập trung	146	0	0	134	92	12	0	0	0
	+ Hệ không tập trung	328	0	0	306	215	22	0	0	0
	- Cử nhân LLCT	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	+ Hệ tập trung	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	+ Hệ không tập trung	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Bồi dưỡng	42130	0	0	22551	1619	19579	192	0	196
1	Nghị quyết xây dựng Đảng	4753	0	0	2027	215	2726	64	0	47
Chia ra	+ Bồi dưỡng trong nước	4753	0	0	2027	476	2726	64	0	47
	+ Bồi dưỡng ngoài nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nghị quyết đoàn thể chính trị	21108	0	0	10129	340	10979	76	0	76
Chia ra	+ Bồi dưỡng trong nước	21108	0	0	10129	340	10979	76	0	76

TT	Chương trình, hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng						Số lớp đào tạo, bồi dưỡng		
		Tổng số	Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp cơ sở	Tổng số lớp	Cấp ủy trực thuộc Trung ương mở	Cấp ủy cấp trên cơ sở mở
			Tổng số	Trong đó: Số cán bộ lãnh đạo, quản lý	Tổng số	Trong đó: Số cán bộ lãnh đạo, quản lý				
ra	+ Bồi dưỡng ngoài nước	0	0	0			0	0	0	0
3	Quản lý nhà nước	8343	0	0	6563	885	1780	34	0	41
Chia ra	+ Bồi dưỡng trong nước	8343	0	0	6563	885	1780	34	0	41
	+ Bồi dưỡng ngoài nước	0	0	0			0	0	0	0
4	Quản lý kinh tế	480	0	0	480	24	0	0	0	0
Chia ra	+ Bồi dưỡng trong nước	468	0	0	468	31	0	0	0	0
	+ Bồi dưỡng ngoài nước	12	0	0	12	0	0	0	0	0
5	Ngoại ngữ	527	0	0	358	74	169	4	0	4
Chia ra	+ Bồi dưỡng trong nước	527	0	0	358	74	169	4	0	4
	+ Bồi dưỡng ngoài nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Tin học	530	0	0	530	292	0	0	0	0
7	Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới	1152	0	0	623	388	593	0	0	0
Chia ra	- Đối tượng 1	27	0	0	27	27	0	0	0	0
	- Đối tượng 2	0	0	0	64	64	0	0	0	0
	- Đối tượng 3	700	0	0	159	127	541	0	0	0
	- Đối tượng 4	425	0	0	373	170	52	0	0	0
8	Quốc phòng- An ninh	5173	0	0	1841	454	3332	14	0	28
Chia ra	- Đối tượng 1	2	0	0	2	5	0	0	0	0
	- Đối tượng 2	185	0	0	116	99	69	0	0	0
	- Đối tượng 3	260	0	0	171	176	89	0	0	0
	- Đối tượng 4	4726	0	0	1552	174	3174	14	0	28

THÔNG KÊ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ
Nhiệm kỳ 2015- 2020

Biểu số 10b

TT	Chương trình, hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng						Số lớp đào tạo, bồi dưỡng		
		Tổng số	Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp cơ sở	Tổng số lớp	Cấp ủy trực thuộc Trung ương mở	Cấp ủy cấp trên cơ sở mở
			Tổng số	Trong đó: Số cán bộ lãnh đạo, quản lý	Tổng số	Trong đó: Số cán bộ lãnh đạo, quản lý				
1	2	3=4+6+8	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11
I	Đào tạo	9145	4507	12	2515	1132	2123	75	0	9
1	Đào tạo chuyên môn	5273	4007	12	923	286	343	2	0	1
Chia ra	- Đại học	4483	3547	0	609	139	327	2	0	1
	+ Đào tạo trong nước	4478	3547	0	604	139	327	2	0	1
	+ Đào tạo ngoài nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	+ Đào tạo liên kết	5	0	0	5	0	0	0	0	0
	- Thạc sỹ (tương đương)	748	446	0	294	134	8	0	0	0
	+ Đào tạo trong nước	725	441	0	276	133	8	0	0	0
	+ Đào tạo ngoài nước	7	2	0	5	1		0	0	0
	+ Đào tạo liên kết	16	3	0	13	0	0	0	0	0
	- Tiến sỹ (tương đương)	42	14	12	20	13	8	0	0	0
	+ Đào tạo trong nước	38	13	12	19	12	6	0	0	0
	+ Đào tạo ngoài nước	4	1	0	1	1	2	0	0	0
	+ Đào tạo liên kết	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Đào tạo chính trị	3872	500	0	1592	846	1780	73	0	8
Chia ra	- Trung cấp LLCT	2939	0	0	1199	493	1740	73	0	8
	+ Hệ tập trung	1041	0	0	314	115	727	15	0	0
	+ Hệ không tập trung	1898	0	0	885	378	1013	58	0	8
	- Cao cấp LLCT	916	492	0	393	353	31	0	0	0
	+ Hệ tập trung	588	409	0	161	155	18	0	0	0
	+ Hệ không tập trung	328	83	0	232	198	13	0	0	0
	- Cử nhân LLCT	17	8	0	0	0	9	0	0	0
	+ Hệ tập trung	17	8	0			9	0	0	0
	+ Hệ không tập trung	0	0	0			0	0	0	0
II	Bồi dưỡng	148447	0	0	42866	1758	38452	532	0	306
1	Nghị quyết xây dựng Đảng	43680	0	0	13657	1171	30023	260	0	122
Chia ra	+ Bồi dưỡng trong nước	43680	0	0	13657	1171	30023	260	0	122
	+ Bồi dưỡng ngoài nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nghị quyết đoàn thể chính trị	72289	0	0	27104	1510	45185	139	0	115
Chia	+ Bồi dưỡng trong nước	72289	0	0	27104	1510	45185	139	0	115

TT	Chương trình, hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng					Số lớp đào tạo, bồi dưỡng			
		Tổng số	Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp cơ sở	Tổng số lớp	Cấp ủy trực thuộc Trung ương mở	Cấp ủy cấp trên cơ sở mở
			Tổng số	Trong đó: Số cán bộ lãnh đạo, quản lý	Tổng số	Trong đó: Số cán bộ lãnh đạo, quản lý				
ra	+ Bồi dưỡng ngoài nước	0	0	0			0	0	0	0
3	Quản lý nhà nước	21574	0	0	10842	1918	10732	34	0	27
Chia ra	+ Bồi dưỡng trong nước	21544	0	0	10812	1903	10732	34	0	27
	+ Bồi dưỡng ngoài nước	30	0	0	30	15	0	0	0	0
4	Quản lý kinh tế	66	0	0	56	39	10	0	0	0
Chia ra	+ Bồi dưỡng trong nước	66	0	0	56	39	10	0	0	0
	+ Bồi dưỡng ngoài nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Ngoại ngữ	695	0	0	454	88	241	5	0	5
Chia ra	+ Bồi dưỡng trong nước	695	0	0	454	88	241	5	0	5
	+ Bồi dưỡng ngoài nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Tin học	759	0	0	654	210	105	4	0	0
7	Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới	1383	0	0	1282	529	101	55	0	0
Chia ra	- Đối tượng 1	57	0	0	57	12	0	0	0	0
	- Đối tượng 2	309	0	0	309	73	0	0	0	0
	- Đối tượng 3	372	0	0	323	146	49	23	0	0
	- Đối tượng 4	645	0	0	593	298	52	32	0	0
8	Quốc phòng- An ninh	8001	0	0	3214	1021	4787	35	0	37
Chia ra	- Đối tượng 1	31	0	0	31	27	0	0	0	0
	- Đối tượng 2	519	0	0	376	236	143	5	0	0
	- Đối tượng 3	754	0	0	575	430	179	0	0	0
	- Đối tượng 4	6697	0	0	2232	328	4465	30	0	37

THÔNG KÊ
VỀ KẾT QUẢ LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN

Biểu số 11

Biểu số 11																		
STT	Hình thức luân chuyển	Tổng số	Trước khi luân chuyển												Sau luân chuyển			Số cán bộ luân chuyển chưa rút về
			Cấp ủy tham gia		Chức vụ được bố trí										Chia ra:			
			Tổng số	Trong đó: Ủy viên Ban thường vụ	Bí thư	Phó bí thư	Chủ tịch UBND	Chủ tịch HĐND	Phó chủ tịch UBND	Phó chủ tịch HĐND	Trưởng, ban, ngành và tương đương	Phó ban, ngành và tương đương	Trưởng, phó phòng và tương đương	Chuyên viên	Bổ trí chức vụ cao hơn	Giữ chức vụ tương đương	Không hoàn thành nhiệm vụ luân chuyển	
1	2	3(=6+...+15)	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Nhiệm kỳ 2010 - 2015																		
I- Tỉnh, thành phố																		
1	Từ Trung ương về tỉnh, thành phố		0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0
2	Tỉnh, thành phố về quận, huyện	4	4	3				0				2	1		3		0	
3	Quận, huyện về tỉnh, thành phố	3	0	2			0	0	3							3	0	
4	Huyện này sang huyện khác				0		0	0	0	0							0	
5	Ngành này sang ngành khác	9	9	0	0	0	0	0	0	0	3	3	3			9	0	
6	Tỉnh, thành phố về xã, phường, thị trấn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II- Huyện, quận, thị xã, thành phố			95	63	20	0	3	6	3	11	2	5	14	1	50	44	51	0
1	Quận, huyện về xã, phường, thị trấn	38	38	10							5	14		19	21	17		
2	Xã, phường, thị trấn về quận, huyện	21	21	8		2	6	0	1	0				12	10	11		
3	Xã này sang xã khác	21	3	1	0	1	0	3	10	2				5	12	9		0

STT	Hình thức luân chuyển	Tổng số	Trước khi luân chuyển												Sau luân chuyển			Số cán bộ luân chuyển chưa rút về
			Cấp ủy tham gia		Chức vụ được bố trí										Chia ra:			
			Tổng số	Trong đó: Ủy viên Ban thường vụ	Bí thư	Phó bí thư	Chủ tịch UBND	Chủ tịch HĐND	Phó chủ tịch UBND	Phó chủ tịch HĐND	Trưởng, ban, ngành và tương đương	Phó ban, ngành và tương đương	Trưởng, phó phòng và tương đương	Chuyên viên	Bố trí chức vụ cao hơn	Giữ chức vụ tương đương	Không hoàn thành nhiệm vụ luân chuyển	
4	Phòng, ban này sang phòng, ban khác	15	1	1							0	0	1	14	1	14	0	
Nhiệm kỳ 2015 - 2020																		
I- Tỉnh, thành phố																		
1	Từ Trung ương về tỉnh, thành phố	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0
2	Tỉnh, thành phố về quận, huyện	6	6	2				0					6		3	3	0	2
3	Quận, huyện về tỉnh, thành phố	3	0	2		2	0	0			1					3	0	
4	Huyện này sang huyện khác				0		0	0	0	0							0	
5	Ngành này sang ngành khác	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3					3	0	
6	Tỉnh, thành phố về xã, phường, thị trấn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II- Huyện, quận, thị xã, thành phố																		
1	Quận, huyện về xã, phường, thị trấn	42	42	10		0		0		0	25	8	9		23	19		
2	Xã, phường, thị trấn về quận, huyện	18	18	18	6	2	3	0	1	0				6	7	11		0
3	Xã này sang xã khác	6	6	1		1		0	2	0	2	0	0	0	0	6	0	0
4	Phòng, ban này sang phòng, ban khác																	

Ghi chú: Chức danh "bí thư", "Phó bí thư": đã tính ở cột 6, cột 7 thì không tính cột 8, cột 9.

THÔNG KÊ
ĐỘI NGŨ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CÁC CẤP

Biểu số 14

TT	Chỉ tiêu	Bộ trưởng và tương đương	Cấp tỉnh			Cấp huyện			Cấp xã		
			Bí thư	Chủ tịch HĐND chuyên trách	Chủ tịch UBND	Bí thư	Chủ tịch HĐND chuyên trách	Chủ tịch UBND	Bí thư	Chủ tịch HĐND chuyên trách	Chủ tịch UBND
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	01/01/2016										
1	Số lượng	0	1	0	1	12	3	12	147	29	147
	trong đó:	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Nữ	0	0	0	0	2	1	0	11	0	3
	Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	0	0	15	2	13
	Đã kinh qua vị trí lãnh đạo ở địa phương, cơ quan khác	0	0	0	0	6	1	4	36	3	30
2	Độ tuổi	0	1	0	1	12	3	12	147	29	147
	Dưới 40 tuổi	0	0	0	0	1	0	0	18	2	20
	Từ 41 đến 45 tuổi	0	0	0	0	1	0	1	19	4	27
	Từ 46 đến 50 tuổi	0	0	0	0	0	0	3	36	8	65
	Từ 51 đến 55 tuổi	0	0	0	0	6	3	6	46	10	31
	Từ 56 tuổi trở lên	0	1	0	1	4	0	2	28	5	4
3	Trình độ chuyên môn	0	1	0	1	12	3	12	147	29	147
	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	45	16	29
	Cao đẳng	0	0	0	0	1	0		25	3	11
	Đại học	0	1	0	0	8	3	8	59	9	80
	Thạc sỹ	0	0	0	1	2	0	4	2	0	1
	Tiến sỹ	0	0	0	0	1	0	0	16	1	26
4	Lĩnh vực đào tạo	0	1	0	1	12	3	12	147	29	147
	Nội chính, pháp luật	0	0	0	1	2	2	2	22	9	26
	Quản đội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
	Công an	0	0	0	0	1	0	1	13	1	9
	Khoa học xã hội, nhân văn	0	1	0	0	2	1	4	24	6	60
	Xây dựng Đảng	0	0	0	0	1	0	0	3	1	8
	Hành chính nhà nước	0	0	0	0	4	0	3	59	11	17
	Đối ngoại, hợp tác quốc tế	0	0	0	0	2	0	2	26	1	26
5	Trình độ lý luận chính trị	0	1	0	1	12	3	12	147	29	147
	Sơ cấp	0	0	0	0	0	0	0	23	1	26
	Trung cấp	0	0	0	0		0		77	12	72
	Cao cấp, cử nhân	0	1	0	1	12	3	12	47	16	49
	30/6/2019										
1	Số lượng	0	1	0	1	12	4	12	147	29	147
	trong đó:	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0
	Nữ	0	0	0	0	0	0	0	25	4	2
	Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	0	0	9	1	12
	Đã kinh qua vị trí lãnh đạo ở địa phương, cơ quan khác	0	0	0	0	7	1	5	45	7	30
2	Độ tuổi	0	1	0	1	12	4	12	147	29	147
	Dưới 40 tuổi	0	0	0	0	0	0	0	16	6	21
	Từ 41 đến 45 tuổi	0	0	0	0	1	0	1	25	2	30
	Từ 46 đến 50 tuổi	0	0	0	0	3	0	1	28	2	33
	Từ 51 đến 55 tuổi	0	0	0	0	5	3	6	44	12	36
	Từ 56 tuổi trở lên	0	1	0	1	3	1	4	34	7	27
3	Trình độ chuyên môn	0	1	0	1	12	4	12	147	29	147

TT	Chỉ tiêu	Bộ trưởng và tương đương	Cấp tỉnh			Cấp huyện			Cấp xã		
			Bí thư	Chủ tịch HĐND chuyên trách	Chủ tịch UBND	Bí thư	Chủ tịch HĐND chuyên trách	Chủ tịch UBND	Bí thư	Chủ tịch HĐND chuyên trách	Chủ tịch UBND
	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	23	11	11
	Cao đẳng	0	0	0	0	1	0	1	38	0	9
	Đại học	0	1	0	0	7	2	5	86	18	110
	Thạc sỹ	0	0	0	1	4	2	6		0	17
	Tiến sỹ	0	0	0	0	0	0	0		0	
4	Lĩnh vực đào tạo	0	1	0	1	12	5	14	147	29	147
	Nội chính, pháp luật, quốc phòng, an ninh	0	0	0	1	5	0	2	31	7	37
	Kinh tế, tài chính	0	0	0	0	2	2	5	9	9	17
	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật	0	1	0	0	1	2	4	6	2	6
	Khoa học xã hội, nhân văn	0	0	0	0	1	1	0	65	0	62
	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	0	0	0	0	2	0	1	8	3	25
	Đối ngoại, hợp tác quốc tế	0	0	0	0	1	0	2	28	8	
5	Trình độ lý luận chính trị	0	1	0	1	12	4	12	147	29	147
	Sơ cấp	0	0	0	0	0	0	0		11	9
	Trung cấp	0	0	0	0		0		65	15	88
	Cao cấp, cử nhân	0	1	0	1	12	4	12	82	3	50
	30/9/2020*										
1	Số lượng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	trong đó:	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Nữ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Đã kinh qua vị trí lãnh đạo ở địa phương, cơ quan khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Độ tuổi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Dưới 40 tuổi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Từ 41 đến 45 tuổi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Từ 46 đến 50 tuổi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Từ 51 đến 55 tuổi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Từ 56 tuổi trở lên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Trình độ chuyên môn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Thạc sỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tiến sỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực đào tạo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Nội chính, pháp luật, quốc phòng, an ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Kinh tế, tài chính	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Khoa học xã hội, nhân văn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Đối ngoại, hợp tác quốc tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Trình độ lý luận chính trị	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sơ cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Cao cấp, cử nhân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

(*) Đề nghị báo cáo số liệu này về Tiểu ban trước ngày 15/10/2020 để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TW, NGÀY 25/10/2017
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

Biểu số 15

STT	Đơn vị	Giám số ban, ngành, sở, đơn vị cấp tỉnh	Giám số đơn vị cấp phòng				Giám số lượng lãnh đạo					Giám biên chế do sắp xếp lại tổ chức bộ máy					
			Tổng số	Trong đó			Ban, ngành, sở, đơn vị cấp tỉnh	Cấp phòng				Tổng số	Trong đó				
				Cấp phòng trực thuộc ban, ngành, sở, đơn vị cấp tỉnh, HĐND, UBND cấp huyện	Cấp phòng trực thuộc chi cục, trung tâm (thuộc ban, ngành, sở, đơn vị cấp tỉnh, HĐND, UBND cấp huyện)	Các trường THCS, tiểu học		Tổng số	Cấp phòng trực thuộc ban, ngành, sở, đơn vị cấp tỉnh, HĐND, UBND cấp huyện	Cấp phòng trực thuộc chi cục, trung tâm (thuộc ban, ngành, sở, đơn vị cấp tỉnh, HĐND, UBND cấp huyện)	Các trường THCS, tiểu học		Công chức	Viên chức	Hợp đồng	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
25/10/2017																	
1	Khối Đảng											83	17	5	17	24	20
2	Khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể CT-XH											17	7	0	2	8	0
3	Khối chính quyền địa phương											170	71	0	45	43	11
4	Các hội đặc thù	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	0	0	0	0	0	0	10	11	0	9	270	95	5	64	75	31
30/6/2019																	
1	Khối Đảng		19	19	0	0		46	45	0	1	25	28	11	14	56	20
2	Khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể CT-XH	0	16	16		0		60	32	20	8	28	13	13	15	47	0
3	Khối chính quyền địa phương	2	77	11	12	54		31	12	12	7	686	54	357	140	122	128
4	Các hội đặc thù	0	1	0	1	0		3	0	0	3	0	0	0	0	0	0

STT	Đơn vị	Giám số đơn vị cấp phòng				Giám số lượng lãnh đạo				Giám biên chế do sắp xếp lại tổ chức bộ máy						
		Trong đó			Tổng số	Cấp phòng			Tổng số	Trong đó						
		Cấp phòng trực thuộc ban, ngành, sở, đơn vị cấp tỉnh, HUBND, UBND cấp huyện	Cấp phòng trực thuộc chi cục, trung tâm (thuộc ban, ngành, sở, đơn vị cấp tỉnh, HUBND, UBND cấp huyện)	Cấp phòng trực thuộc trung tâm (thuộc ban, ngành, sở, đơn vị cấp tỉnh, HUBND, UBND cấp huyện)		Ban, ngành, sở, đơn vị cấp tỉnh	Tổng số	Cấp phòng trực thuộc ban, ngành, sở, đơn vị cấp tỉnh, HUBND, UBND cấp huyện		Cấp phòng trực thuộc chi cục, trung tâm (thuộc ban, ngành, sở, đơn vị cấp tỉnh, HUBND, UBND cấp huyện)	Các trường THCS, tiểu học	Công chức	Viên chức	Hợp đồng	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố
	Tổng cộng	2	113	46	13	54	89	32	19	739	95	381	169	225	148	
30/9/2020*																
1	Khối Đảng															
2	Khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể CT-XH															
3	Khối chính quyền địa phương															
4	Các hội đặc thù															
	Tổng cộng															

(*) Đề nghị báo cáo số liệu này về Tiểu ban trước ngày 15/10/2020 để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TW, NGÀY 25/10/2017
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

Biểu số 16

STT	Đơn vị	Giảm số đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh				Giảm số đơn vị sự nghiệp cấp huyện				Giảm số lượng cấp phó		Giảm số đầu mỗi bên trong		Giảm số người hưởng lương từ ngân sách		
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Tổng số	Trong đó	
			Giảm do hợp nhất	Giảm do tự chủ 100% kinh phí	Giảm do giải thể		Giảm do hợp nhất	Giảm do tự chủ 100% kinh phí	Giảm do giải thể						Cấp tỉnh	Cấp huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	25/10/2017															
1	Giáo dục đào tạo															
2	Y tế															
3	Khoa học và công nghệ															
4	Sự nghiệp kinh tế															
5	Sự nghiệp khác															
6	Thông tin và truyền thông															
	Tổng cộng															
	30/6/2019															
1	Giáo dục đào tạo						1				1					1
2	Y tế															
3	Khoa học và công nghệ															
4	Sự nghiệp kinh tế															
5	Sự nghiệp khác						1				1					7
6	Thông tin và truyền thông						1				1					
	Tổng cộng															
	30/9/2020*															
1	Giáo dục đào tạo															

STT	Đơn vị	Giảm số đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh				Giảm số đơn vị sự nghiệp cấp huyện				Giảm số lượng cấp phó		Giảm số đầu mỗi bên trong		Giảm số người hưởng lương từ ngân sách		
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Tổng số	Trong đó	
			Giảm do hợp nhất	Giảm do tự chủ 100% kinh phí	Giảm do giải thể		Giảm do hợp nhất	Giảm do tự chủ 100% kinh phí	Giảm do giải thể						Cấp tỉnh	Cấp huyện
2	Y tế															
3	Khoa học và công nghệ															
4	Sự nghiệp kinh tế															
5	Sự nghiệp khác															
6	Thông tin và truyền thông															
	Tổng cộng															

(*) Đề nghị báo cáo số liệu này về Tiểu ban trước ngày 15/10/2020 để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII

TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG, NGHỈ HƯU ĐÚNG TUỔI, THỰC HIỆN TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ

Biểu số 17

		Tuyển mới	Nghỉ hưu đúng tuổi	Giảm theo ND của Chính phủ**	Số biên chế giảm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4+5-3	8
Từ 17/4/2015 - 30/6/2019						
I	Khối cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức CT-XH	29	60	42	95	
1	Cấp tỉnh	3	6	0	3	
2	Cấp huyện	26	54	42	92	
II	Khối chính quyền địa phương	1051	335	171	263	
1	Cấp tỉnh	41	37	19	8	
2	Cấp huyện	206	117	58	115	
3	Cấp xã	804	181	94	140	
III	Đơn vị sự nghiệp	2480	900	233	329	
	Tổng cộng	3560	1295	446	687	
Từ 01/7/2019 - 30/9/2020*						
I	Khối cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức CT-XH	0	0	0	0	
1	Cấp tỉnh	0	0	0	0	
2	Cấp huyện	0	0	0	0	
II	Khối chính quyền địa phương	0	9	2	11	
1	Cấp tỉnh	0	0	0	0	
2	Cấp huyện	0	2	0	2	
3	Cấp xã	0	7	2	9	
III	Đơn vị sự nghiệp có thu	0	0	0	0	
	Tổng cộng	0	9	2	11	

(*) Để nghị báo cáo số liệu này về Tiểu ban trước ngày 15/10/2020 để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII

(**) Nghị định 108/2014/NĐ-CP; Nghị định 113/2018/NĐ-CP)

TỔNG HỢP
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIỂM NHIỆM CHỨC DANH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TW

STT	Danh mục	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	Số đơn vị thực hiện		Giảm số lượng lãnh đạo		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp tỉnh		Cấp huyện
					Lãnh đạo sở và tương đương	Lãnh đạo cấp phòng và tương đương	Lãnh đạo cấp phòng và tương đương
1	2	3	4	5	6	7	8
25/10/2017							
1	Trưởng ban tuyên giáo đồng thời là giám đốc trung tâm bồi dưỡng chính trị	12					
2	Thí điểm trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	12					
3	Thí điểm trưởng ban tổ chức cấp ủy đồng thời là trưởng phòng nội vụ	12					
4	Thí điểm chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy đồng thời là chánh thanh tra	12					
30/6/2019							
1	Trưởng ban tuyên giáo đồng thời là giám đốc trung tâm bồi dưỡng chính trị	12	0	12	0	0	12
2	Thí điểm trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	12	0	8	0	0	8
3	Thí điểm trưởng ban tổ chức cấp ủy đồng thời là trưởng phòng nội vụ	12	0	0	0	0	0
4	Thí điểm chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy đồng thời là chánh thanh tra	12	0	0	0	0	0
30/9/2020*							

(*) Đề nghị báo cáo số liệu này về Tiểu ban trước ngày 15/10/2020 để đưa vào báo cáo trình Đại hội XIII